

Số: 93/KH-TrMN

Mỹ Lộc, ngày 4 tháng 9 năm 2024

PHẦN I

NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý.

- Căn cứ Điều lệ trường mầm non ban hành tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục Đào tạo;

- Căn cứ Thông tư 51/2020 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của bộ GDĐT về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định;

- Căn cứ công văn số 1622/SGDDT-GDMN ngày 03/9/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2024-2025;

- Căn cứ Hướng dẫn 597/PGDĐT-GDMN ngày 4/9/2024 của Phòng GDĐT thành phố Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025;

- Căn cứ dự thảo kế hoạch năm học của nhà trường.

2. Căn cứ thực tiễn.

2.1. Những thành tích của nhà trường.

Trong những năm gần đây nhà trường luôn giữ vững tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2018-2019 nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường ngày càng chuyển biến rõ rệt, khẳng định được uy tín của nhà trường với cấp trên và với phụ huynh học sinh.

2.2. Điểm trường: Trường mầm non Mỹ Tiến có 02 điểm trường.

- Điểm trường chính: Địa chỉ La Chợ - Mỹ Lộc - Thành phố Nam Định - Nam Định.

- Điểm trường phụ: Địa chỉ Lang Xá - Mỹ Lộc - Thành phố Nam Định - Nam Định.

- Cả 2 điểm trường đặt ở vị trí trung tâm thuận lợi cho việc đưa, đón trẻ của phụ huynh học sinh.

2.3. Đội ngũ CBQL, GV, NV.

- Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chưa đảm bảo đủ theo quy định. Nhà trường duy trì việc bố trí giáo viên theo suốt quá trình học của nhà trẻ hoặc mẫu giáo.

- Nhà trường có 100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên; giáo viên được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; cán bộ quản lý được xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên nòng cốt là các tổ trưởng chuyên môn có nhiều năm kinh nghiệm, có kỹ năng sư phạm tốt, yêu nghề, tôn trọng trẻ và là những giáo viên năng động, đầy nhiệt huyết và luôn đam mê học hỏi các phương pháp giáo dục mới.

- 100% giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng về kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm và một số kỹ năng liên quan đến nhiệm vụ theo vị trí việc làm như kỹ năng phòng chống cháy nổ...

2.4. Số nhóm lớp, số trẻ và đánh giá sự phát triển của trẻ trong năm học 2023-2024.

a. Số nhóm, lớp.

Nhóm, lớp	Số lượng nhóm, lớp	Ghi chú
1. Nhà trẻ	3	
Nhóm trẻ 25 - 36 tháng tuổi	3	
2. Mẫu giáo	8	
- 3-4 tuổi	3	
- 4-5 tuổi	3	
- 5-6 tuổi	2	
Tổng số nhóm, lớp	11	

b. Số trẻ học chương trình GDMN (Số trẻ diện phổ cập học tại trường và trẻ đi học trái tuyến).

Nhóm, lớp	Số lượng học sinh	Ghi chú
1. Nhà trẻ	78	Huy động 300/291 cháu diện phổ cập ra lớp, tỷ lệ đạt 103,09% kế hoạch (Trong đó trẻ nhà trẻ là 78/60 cháu, tỷ lệ đạt 130% kế hoạch; trẻ mẫu giáo là 222/231 cháu, tỷ lệ đạt 96,1% kế hoạch).
Nhóm trẻ 25 - 36 tháng tuổi	78	
2. Mẫu giáo	222	
- 3-4 tuổi	80	
- 4-5 tuổi	87	
- 5-6 tuổi	55	
Tổng số trẻ	300	

c. Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ theo các độ tuổi.

+ Nhà trường tổ chức đánh giá sự phát triển của trẻ theo các độ tuổi, sắc xuất theo bộ công cụ là **99** trẻ (**22** trẻ nhà trẻ và **77** trẻ mẫu giáo). Kết quả: **98/99** trẻ đánh giá “**đạt**”. **Tỷ lệ 99%** và **1/99** trẻ đánh giá “**chưa đạt**”. **Tỷ lệ 1%**.

+ Tổ chức đánh giá sự phát triển của trẻ cuối năm học: Số trẻ được đánh giá sự phát triển cuối năm học và cuối giai đoạn là: 290/300, tỷ lệ 96,7%. Trong đó:

Mẫu giáo: 212/222 trẻ được đánh giá, tỷ lệ 95,5% (10 trẻ không đánh giá vì ra lớp 2-3 ngày hoặc 1-2 tháng).

Nhà trẻ: Đánh giá sự phát triển của trẻ là 78/78 trẻ, tỷ lệ 100%.

+ Kết quả:

Trẻ mẫu giáo đánh giá “đạt” là 209/212, tỷ lệ 98,6%; đánh giá chưa đạt 3/212, tỷ lệ 1,4%. Trong đó:

Trẻ 5 tuổi: Số trẻ đánh giá **đạt** là 54/55 trẻ; tỷ lệ 98%. Số trẻ đánh giá **chưa đạt** 1/55; tỷ lệ 2%

Trẻ 4 tuổi: Số trẻ đánh giá **đạt** 82/82 trẻ; tỷ lệ 100%.

Trẻ 3 tuổi: Số trẻ đánh giá **đạt** 73/75 trẻ; tỷ lệ 97,3%. Số trẻ đánh giá **chưa đạt** 2/75; tỷ lệ 2,7%

Trẻ nhà trẻ: Số trẻ đánh giá đạt 71/78, tỷ lệ 91%. Số trẻ đánh giá chưa đạt 7/78, tỷ lệ 9%

2.5. Các điều kiện về đảm bảo thực hiện chương trình.

- Địa điểm, quy mô, diện tích cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở vật chất và đồ dùng, đồ chơi học liệu, thiết bị bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định có liên quan và đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

- Diện tích phòng/ nhóm, lớp: Từ 45m² đến 60m². Bình quân 50m²/phòng.

- Có đủ khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục như: Phòng học, phòng chức năng, nhà bếp, nhà kho và khu vui chơi ngoài trời

+ Phòng học: nhà trẻ có 2 phòng, mẫu giáo có 9 phòng. các phòng học và phòng chức năng đều đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông và có một số thiết bị tương đối hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

+ Trong từng nhóm, lớp đều được trang bị giá, kệ, đồ dùng, đồ chơi đầy đủ; bố trí sắp xếp theo các lĩnh vực giáo dục/ góc hoạt động.

- Hệ thống sân chơi ngoài trời, thiết bị, đồ chơi cho trẻ theo quy định và được thiết kế đảm bảo an toàn phù hợp với trẻ, lấy trẻ làm trung tâm. Môi trường bên trong và bên ngoài lớp học được đảm bảo tuyệt đối an toàn, thân thiện với trẻ.

- Phòng y tế, phòng hội đồng, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng kế toán đảm bảo đủ diện tích theo quy định và được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lí, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Nhà bếp: Nhà trường có 2 nhà bếp/ 2 khu được thiết kế hiện đại với hệ thống bếp hoạt động theo quy trình một chiều, đảm bảo đủ diện tích theo quy định và được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Nhà bếp, kho thực phẩm, phòng ăn chung với lớp học sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh.

- Sân chơi sắp xếp hợp lý đồ chơi ngoài trời và các khu vực phù hợp với khuôn viên nhà trường, thuận tiện và an toàn cho trẻ tham gia hoạt động. Các khu vực ngoài trời: Khu vực chơi cát-nước-sỏi, khu vực âm nhạc-tạo hình, vườn rau, vườn cây, khu vực trồng rau; trồng hoa; khu vực chơi cát, nước, sỏi, khu vực nhà lá....bố trí phù hợp với khuôn viên nhà trường, thuận tiện khi tổ chức các hoạt động cho trẻ thực hành trải nghiệm, tận dụng cả khu vực cầu thang làm thư viện xanh.

- Đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị vệ sinh...tương đối đầy đủ và bảo quản tốt. Đối với các lớp 5 tuổi có đủ 100% danh mục thiết bị đồ dùng đồ chơi và các độ tuổi khác có 90% danh mục thiết bị đồ dùng đồ chơi. Bên cạnh đó nhà trường phát động giáo viên tích cực sưu tầm nguyên liệu mở, tự làm đồ dùng đồ chơi nhằm giúp trẻ phát huy tính sáng tạo, chủ động tham gia hoạt động của trẻ. Nhà trường thường xuyên kiểm tra thiết bị đồ chơi ngoài trời, thiết bị vệ sinh, đồ dùng đồ chơi trong nhóm lớp để tu sửa đảm bảo an toàn cho trẻ trong quá trình hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy - học của cô và trẻ.

2.6. Cha mẹ trẻ và cộng đồng.

- Các ban ngành đoàn thể của xã, thôn tham gia tích cực vào nhiệm vụ huy động trẻ đến lớp và công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi. Tích cực tham gia công tác

XHHGD, ủng hộ mọi phong trào, mọi hoạt động và nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường

- Với điều kiện kinh tế của đa số hộ gia đình ngày càng phát triển và ổn định, trẻ em mầm non trong độ tuổi ngày càng được chăm sóc tốt về thể lực, việc đưa trẻ đến trường làm quen với học tập ở trường mầm non được cha mẹ trẻ ngày càng quan tâm, nhận thức tầm quan trọng trong việc đưa trẻ đến trường có nhiều chuyển biến. Cha mẹ trẻ phần nào quan tâm đến mọi hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của nhà trường. Tích cực phối kết hợp trong công tác tổ chức các ngày hội, ngày lễ; công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo khoa học.

3. Khó khăn.

- Số lượng giáo viên đứng lớp chưa đảm bảo theo quy định.
- Một số giáo viên còn hạn chế về xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục, đặc biệt là hoạt động làm quen với toán theo hướng trải nghiệm, ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM và ứng dụng CNTT trong giảng dạy.
- Khu B diện tích phòng học chưa đảm bảo so với số trẻ/lớp nên ảnh hưởng đến công tác tạo môi trường giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.
- Một số phòng chức năng như phòng nhạc, thư viện, thể chất... chưa có đàn organ, máy tính, ti vi... Thiết bị, đồ dùng đồ chơi của các lớp dưới 5 tuổi chưa đầy đủ. Đồ dùng đồ chơi tự làm mất nhiều thời gian nhưng lại nhanh hỏng.
- Một số gia đình cả bố và mẹ thường đi làm xa gửi lại con cho người thân chăm sóc vì vậy phần nào còn ảnh hưởng đến công tác phối kết hợp chăm sóc và giáo dục trẻ.
- Một số ít gia đình kinh tế khó khăn, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc đưa trẻ trong độ tuổi đến trường lớp, vì vậy phần nào còn ảnh hưởng đến việc huy động trẻ đến trường. Một số trẻ ra chỉ ra lớp từ 1 đến 3 ngày/ năm học hoặc 1-2 tháng/ năm học nên không thực hiện được đánh giá sự phát triển của trẻ.
- Nhận thức của trẻ dễ nhỡ, dễ quên, một số trẻ sức khỏe yếu. Trường hợp trẻ tăng động, hiếu động, rụt rè trong giao tiếp, ngôn ngữ chậm phát triển có rải rác ở các nhóm lớp.

PHẦN II**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**

I. Xây dựng mục tiêu giáo dục và nội dung giáo dục (Có bảng chi tiết ở phụ lục).

II. Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện (Có bảng chi tiết ở phụ lục)

III. Các hoạt động, hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả của trẻ nhà trẻ.

1. Các hoạt động, hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả của trẻ nhà trẻ.

1.1. Các hoạt động giáo dục.

a. Hoạt động giao lưu cảm xúc.

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỉ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

b. Hoạt động với đồ vật.

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

c. Hoạt động chơi.

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d. Hoạt động chơi - tập có chủ định.

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

đ. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

1.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục.

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm

liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

1.3. Phương pháp giáo dục.

a. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm.

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thoải mái nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa.

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thoải mái nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

c. Nhóm phương pháp thực hành

* Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

* Trò chơi.

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

* Luyện tập.

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích).

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

đ. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương.

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

1.4. Đánh giá sự phát triển của trẻ.

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

a. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY.

* Mục đích đánh giá.

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

* Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

* Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

b. Đánh giá trẻ theo giai đoạn.

* Mục đích đánh giá.

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

* Nội dung đánh giá.

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

* Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

* Thời điểm và căn cứ đánh giá.

- Đánh giá cuối độ tuổi (12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

2. Các hoạt động giáo dục, hình thức giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả trẻ mẫu giáo.

2.1. Các hoạt động giáo dục.

a. Hoạt động chơi.

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

b. Hoạt động học.

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

c. Hoạt động lao động.

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

d. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục.

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 1/6), Ngày ra trường...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

2.3. Phương pháp giáo dục.

a. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm.

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.
- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

c. Nhóm phương pháp dùng lời nói.

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

d. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

đ. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá.

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

e. Phương pháp giáo dục steam.

- Trang bị cho trẻ kiến thức, kỹ năng để có thể làm việc và phát triển.

- Trẻ vừa học được kiến thức khoa học, vừa học được cách vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn.

- Phương pháp STEM giúp trẻ gắn kết các kiến thức với nhau theo rất nhiều cách. Từ đó, trẻ sẽ học hỏi và làm việc ngay từ khi còn nhỏ.

2.4. Đánh giá sự phát triển của trẻ.

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận

định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

2.4.1. Đánh giá trẻ hàng ngày.

a. Mục đích đánh giá.

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá.

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá.

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

2.4.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn.

a. Mục đích đánh giá.

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá.

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá.

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá.

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

I. Quy mô trường lớp.

1. Chỉ tiêu.

a. Số khu mầm non.

Nhà trường duy trì 2 khu: Khu A và khu B. 2/2 khu đều đảm bảo an toàn cho trẻ.

b. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

- Số nhóm trẻ: Có 2 nhóm trẻ 24-36 tháng tuổi.
- Số lớp mẫu giáo: Có 9 lớp mẫu giáo. Trong đó có:
 - + 3 lớp 3-4 tuổi.
 - + 3 lớp 4-5 tuổi.
 - + 3 lớp 5-6 tuổi.
- Số lượng trẻ.

Độ tuổi	Trẻ diện phổ cập	Huy động	% dân số độ tuổi
0-2 tuổi	90	10	11,11
2-3 tuổi	52	45	86,5
Cộng NT	142	55	38,73
3-4 tuổi	88	81	92
4-5 tuổi	96	93	96,88
5-6 tuổi	86	86	100
Cộng MG	269	260	96,6

- Tỷ lệ chuyên cần: Trẻ đi học chuyên cần đạt 98%.

1.2. Biện pháp.

- Trẻ các lớp được tách triệt để theo từng độ tuổi nên rất thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục.
- Đầu năm học nhà trường tổ chức cho giáo viên điều tra phổ cập theo từng độ tuổi. Từ đó giao chỉ tiêu cụ thể cho từng lớp để giáo viên có kế hoạch huy động trẻ ra lớp.
- Trẻ đến trường đều học 2 buổi/ ngày theo chương trình giáo dục nhà trường

II. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục.

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục.

a. Chỉ tiêu.

100% nhóm lớp xây dựng khung kế hoạch thời gian thực học năm học 2024-2025 là 35 tuần.

100% nhóm lớp có đủ các loại kế hoạch theo quy định và xây dựng tốt các loại kế hoạch.

b. Biện pháp.

- Các nhóm/ lớp xây dựng kế hoạch chương trình giáo dục bắt đầu từ ngày 06/9/2024 và kết thúc chương trình giáo dục trước 18/1/2024. Trong đó Học kỳ I có 18 tuần, bắt đầu từ ngày 06 tháng 9 năm 2024 và ngày kết thúc trước ngày 18 tháng 01 năm 2025. Học kỳ II có 17 tuần bắt đầu từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và ngày kết thúc trước ngày 24 tháng 5 năm 2025.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp nhằm cụ thể hóa chương trình giáo dục của nhà trường thành kế hoạch giáo dục cụ thể, phù hợp với nhận thức của trẻ và điều kiện của nhóm, lớp từ mục tiêu giáo dục đến lựa chọn nội dung giáo dục và thiết kế các hoạt động giáo dục.

- Các loại kế hoạch gồm có:

+ Kế hoạch giáo dục năm học.

+ Kế hoạch giáo dục chủ đề.

+ Kế hoạch giáo dục tuần.

+ Kế hoạch giáo dục ngày.

- Kế hoạch giáo dục thể hiện được phương pháp giáo dục tiên tiến như STEAM, thể hiện trẻ được tham gia hoạt động trải nghiệm thực hành...để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ.

- Kế hoạch giáo dục xây dựng lồng ghép phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất cho trẻ. Lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục như giáo dục quyền con người, giáo dục giới tính, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu...Lồng ghép ngày kỷ niệm, ngày lễ phù hợp với chủ đề.

2. Thực hiện kế hoạch giáo dục.

a. Chỉ tiêu.

- 100% nhóm, lớp sưu tầm tài liệu, hình ảnh, vi deo làm kho dữ liệu.

- 100% nhóm, lớp thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục đã xây dựng.

- 100% nhóm, lớp tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm

trung tâm.

- 100% lớp mẫu giáo xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục steam.
- 100% nhóm lớp thực hiện đánh giá sự phát triển của trẻ theo quy định.

b. Biện pháp.

- Giáo viên trong khối lập gmail và sưu tầm tài liệu, hình ảnh, video chuyển vào gmail để làm kho dữ liệu chung.
- BGH nhà trường cùng tổ trưởng chuyên môn xây dựng thời khóa biểu và thời gian biểu.
- Triển khai đến các nhóm, lớp duy trì thực hiện theo thời khóa biểu và thời gian biểu đã xây dựng.
- Năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục chỉ đạo toàn bộ giáo viên và trẻ các khối lớp thực hiện tốt chương trình giáo dục nhà trường.
- + Các khối mẫu giáo tổ chức các hoạt động giáo dục theo 5 lĩnh vực. Các khối nhà trẻ tổ chức các hoạt động giáo dục theo 4 lĩnh vực.
- + Chuẩn bị đủ đồ dùng đồ chơi hiện có cho các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt và phù hợp.
- + Tổ chức các hoạt động phong phú đa dạng dựa trên kinh nghiệm của trẻ. Kiến thức, kỹ năng tăng dần theo độ tuổi và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống của trẻ. Tạo mọi điều kiện cho trẻ tích cực hoạt động trải nghiệm, thí nghiệm, thử nghiệm. Tận dụng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tăng cường cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên.
- + Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục phương pháp giáo dục STEAM. Tích hợp phát triển vận động và dinh dưỡng, dục quyền con người, giáo dục giới tính, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu...nhẹ nhàng phù hợp với từng hoạt động.
- + Các lớp tham gia các hoạt động ngày hội, ngày lễ do nhà trường tổ chức hoặc tại lớp học thông qua tích hợp trong các hoạt động giáo dục.
- + Theo dõi và hỗ trợ giáo viên thực hiện chương trình giáo dục gắn liền với trường học hạnh phúc và chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.
- Theo dõi, quan sát, động viên khuyến khích trẻ tham gia mọi hoạt động để đánh giá sự phát triển của trẻ một cách chính xác. Ghi chép đánh giá, cập nhật hồ sơ hàng ngày và cuối chủ đề.

III. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi.

1. Chỉ tiêu.

a. Sân vườn.

- Khu A và khu B có từ 4 đến 6 loại đồ chơi ngoài trời, có mô hình sân chơi giao thông.

- Quy hoạch khu vực chơi với đồ chơi ngoài trời; khu vực trồng cây bóng mát, cây ăn quả; khu vực trồng hoa, trồng rau, trồng cây thuốc nam; khu vực chơi với sỏi, cát, nước, sân cỏ, sân bóng...để trẻ vui chơi, trải nghiệm.

- Các nhóm, lớp tiếp tục nhân giống cây hoa, cây xanh trồng trong các chậu nhỏ để tạo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn ở các khu vực sân trường và hành lang lớp học.

b. Thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi.

- 100% số trẻ có đủ học liệu, sách phù hợp với các hoạt động giáo dục.

- 100% số lớp được bổ xung thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi theo Thông tư 01. Làm đồ dùng đồ chơi tự tạo phục vụ các hoạt động và chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.

2. Biện pháp

- Giáo viên 2 khu tự làm một số đồ dùng và thường xuyên cho trẻ thực hành ở sân chơi giao thông

- Thường xuyên chăm sóc khu vực vườn trường, sưu tầm và nhân giống các châu cây.

- Mua bổ xung cát, sỏi, đồ chơi với nước cho khu vực chơi cát - nước - sỏi.

- Rà soát lại thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu theo biên bản kiểm kê để thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng đồ chơi cần bổ sung (Có danh mục cụ thể của từng lớp).

- Bộ phận chuyên môn cùng giáo viên rà soát và làm bổ sung đồ dùng đồ chơi bằng các nguyên liệu khác nhau.

- Huy động nguồn nguyên liệu khác nhau tạo sản phẩm theo chủ đề và chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.

IV. Bồi dưỡng chuyên môn.

1. Chỉ tiêu.

- 100% giáo viên được tham gia lớp bồi dưỡng chính trị hè 2024 do cấp trên tổ chức.

- 90% giáo viên có khả năng khai thác, sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và trong công tác giảng dạy.

- Tạo điều kiện cho giáo viên cốt cán, tổ trưởng và tổ phó chuyên môn tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn của phòng, của sở tổ chức.

- 100% giáo viên tham gia các đợt bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn của nhà trường, tổ chuyên môn.

- Hình thức: Tập trung, trực tuyến qua zalo và gắn liền với sinh hoạt chuyên môn của tổ.

+ Nội dung:

Trao đổi, nâng cao.

Tổ chức một số hoạt động theo phương pháp giáo dục steam.

Tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo các lĩnh vực giáo dục. Đặc biệt là lĩnh vực phát triển nhận thức (Làm quen với toán theo hướng trải nghiệm).

Làm đồ dùng đồ chơi tự tạo.

+ Thời gian: Mỗi lớp bồi dưỡng, SHCM tổ chức ½ ngày.

- 100% tổ duy trì sinh hoạt chuyên môn 1 tháng 2 lần.

2. Biện pháp.

- Nhà trường sắp xếp công việc để toàn bộ giáo viên được tham gia lớp bồi dưỡng chính trị hè 2024

- Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho CBGV gồm:

+ Tổ chức cho giáo viên xây dựng hoạt động giáo dục theo các lĩnh vực giáo dục, tổ chức hoạt động giáo dục để các thành viên trong tổ, khối dự giờ và nhận xét, rút kinh nghiệm.

+ Tổ chức làm đồ dùng đồ chơi phục vụ các hoạt động giáo dục theo chủ đề.

- Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức SHCM đều đặn hàng tháng (Xây dựng hoạt động giáo dục, tổ chức hoạt động giáo dục, nhận xét hoạt động giáo dục tập trung vào lĩnh vực giáo dục còn lúng túng).

- Tổ chức trao đổi, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc và bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên đề, tổ chức hoạt động giáo dục.

Trên đây là kế hoạch giáo dục trường mầm non Mỹ Tiến xây dựng và tổ chức thực hiện trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Các tổ CM (để T/h);
- Giáo viên (để T/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Chính

Đặng Thị Phụng

NHIỆM VỤ THEO THÁNG, TUẦN

THÁNG/ NĂM	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	NGƯỜI THỰC HIỆN	CHI CHÚ
T8/2024	Ổn định nề nếp lớp, rèn nề nếp cho trẻ. Chuẩn bị các điều kiện tổ chức ngày hội đến trường của bé	Giáo viên	
T9/2024	- Tổ chức ngày hội đến trường của bé. - Hội triển khai công việc chuyên môn tháng 9 - SHCM: Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện/ Phân bổ mục tiêu giáo dục cho các chủ đề. - Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học. - Xây dựng kế hoạch đánh giá sự phát triển của trẻ. - Tổng duyệt chương trình và tổ chức vui tết trung thu tại 2 khu (A&B). Tổ chức vui tết trung thu. - Quan sát hoạt động các nhóm/ lớp.	Toàn trường PHT Tổ trưởng, giáo viên PHT và giáo viên PHT BGH & GV PHT	
10/2024	Hội triển khai công việc chuyên môn tháng 10. Sinh hoạt chuyên môn: Tổ chức HĐGD LQVT theo hướng trải nghiệm; HĐ STEAM	PHT PHT, TT, GV	
Tháng 11/2024	- Hội triển khai công việc chuyên môn tháng 11 - Triển khai kế hoạch tập văn nghệ chuẩn bị cho ngày nhà giáo Việt Nam. - SHCM tổ MG, NT. - Lựa chọn và bồi dưỡng chuyên	PHT PHT PHT, TT, GV PHT, TTCM	

THÁNG/ NĂM	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	NGƯỜI THỰC HIỆN	CHI CHÚ
	chuyên môn cho giáo viên tham gia hội thi GVG cấp thành phố. - Liên hoan văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam	BGH, GV	
Tháng 12/2024	- Hội thảo triển khai công việc chuyên môn tháng 12 - SHCM tổ MG, NT. - Tiếp tục làm đồ dùng đồ chơi tự tạo theo chủ đề. - Tiếp tục bồi dưỡng và chuẩn bị các điều kiện cho giáo viên tham gia hội thi GVG cấp thành phố. - Đánh giá sự phát triển của trẻ theo một số mục tiêu của bộ công cụ (Sắc xuất từ 5 đến 10 trẻ/ lớp)	PHT PHT, TT, GV GV PHT, TTCM BGH	
Tháng 01/2025	- Hội thảo triển khai công việc chuyên môn tháng 1 - Tập huấn công tác UDCNTT trong giảng dạy. - SHCM tổ MG, NT - Bồi dưỡng chuyên môn theo nhu cầu của giáo viên. - Quan sát tổ chức hoạt động của các nhóm/ lớp.	PHT PHT và GV PHT, TT, GV PHT PHT, TTCM	
Tháng 02/2025	- Hội thảo triển khai công việc chuyên môn tháng 2 - Ổn định nề nếp sau nghỉ tết. - Nhân cây giống và chậu trồng cây. Xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. - SHCM tổ MG, NT.	PHT GV CB, GV toàn trường PHT, TT, GV	

THÁNG/ NĂM	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	NGƯỜI THỰC HIỆN	CHI CHÚ
Tháng 3/2025	- Họp triển khai công việc chuyên môn tháng 3 - SHCM tổ MG, NT. - Tiếp tục xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn	PHT PHT, TT, GV CB, GV toàn trường	
	- Tiếp tục xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn	CB, GV toàn trường	
Tháng 4/2025	- Họp triển khai công việc chuyên môn tháng 4. - SHCM tổ MG, NT. - Quan sát tổ chức hoạt động của các nhóm, lớp. - Chuẩn bị các điều kiện để kiểm tra đánh giá sự phát triển của trẻ theo bộ công cụ.	PHT BGH và TTCM PHT	
Tháng 5/2025	- Họp triển khai công việc chuyên môn tháng 5 - Triển khai kế hoạch tập văn nghệ chuẩn bị cho tổng kết năm học và vui tết thiếu nhi 1/6. - Đánh giá sắc xuất sự phát triển của trẻ theo bộ công cụ. - Các nhóm/ lớp hoàn thiện đánh giá sự phát triển của trẻ cuối năm học. - Kết thúc chương trình giáo dục và hoàn thiện các loại hồ sơ chuyên môn.	PHT PHT BGH GV GV	

PHỤ LỤC**MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC****1. Mục tiêu và nội dung giáo dục trẻ mẫu giáo 5 tuổi.****1.1 Lĩnh vực phát triển thể chất.**

TT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1	Trẻ bật xa được 50cm	- Bật xa 40 - 50cm - Nhảy qua rãnh nước, bật qua suối...
2	Trẻ nhảy được xuống từ độ cao 40cm.	Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 - 45 cm
3	Trẻ ném và bắt được bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m.	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m - Tung và bắt bóng với người đối diện.
4	Trẻ trèo lên xuống được thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.	- Trèo lên, xuống 7 giống thang - Leo thang dây. - Thang leo đan lưới.
5	Trẻ tự mặc, cởi được áo quần.	- Quan sát tranh các bước mặc và cởi quần áo. - Mặc và cởi cúc quần áo cho búp bê. - Thực hiện mặc và cởi quần áo.
6	Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài hình vẽ.	- Tô màu đồ vật, đồ chơi, đồ dùng, dụng cụ, hoa, quả, con vật...theo 10 chủ đề. - Tô màu sản phẩm tạo hình trong các hoạt động học. - Tô màu sản phẩm tạo hình từ nguyên liệu phế thải, thiên nhiên.
7	Trẻ cắt được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.	Thực hiện cắt theo các hình hình học, đồ vật, đồ chơi, đồ dùng, dụng cụ, hoa, quả, con vật...
8	Trẻ dán được các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhẵn.	- Thực hiện dán các hình hình học, đồ vật, đồ chơi, đồ dùng, dụng cụ, hoa, quả, con vật...
9	Trẻ nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Nhảy lò cò từ 3-5m - Ai giỏi nhất.

10	Trẻ biết cách đập và bắt bóng bằng hai tay.	- Đập và bắt bóng tại chỗ. - Đi vừa đập - bắt bóng.
11	Trẻ đi được thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).	- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). - Đi qua cầu khỉ. - Đi trên xốp.
12	Trẻ chạy được 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 giây (CTGDMN: 10 giây)	- Chạy được 18m liên tục trong vòng 10 giây. - Thi ai chạy nhanh
13	Trẻ chạy được liên tục 150m (CT GDMN: 100-120) không hạn chế thời gian.	- Chạy chậm 100-120m. - Hãy chạy theo cô
14	Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Tham gia các hoạt động học. - Tham gia hoạt động ngoài trời. - Tham gia hoạt động góc.
15	Trẻ biết cách rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.	- Quan sát các bước rửa tay. - Sắp xếp lô tô theo thứ tự các bước rửa tay. - Tập luyện kỹ năng rửa tay bằng xà phòng.
16	Trẻ biết cách rửa mặt, chải răng hàng ngày	- Quan sát tranh. - Tập luyện kỹ năng lau mặt, chải răng. - Sắp xếp các bước lau mặt, chải răng. - Kể chuyện theo tranh.
17	Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	- Quan sát tranh ảnh, đoạn phim và trò chuyện. - Hoạt động rèn kỹ năng sống.
18	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	- Quan sát tranh và kể chuyện theo tranh. - Hoạt động rèn kỹ năng sống.
19	Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Quan sát tranh ảnh và kể tên một số món ăn. - Kể tên các món ăn trong giờ ăn. - Thực hành bé tập làm nội trợ. - Hãy kể đủ 3 món ăn
20	Trẻ biết và không ăn, uống	- Quan sát tranh ảnh một số thức ăn, nước uống có hại cho sức khỏe như “Ví dụ đồ ăn ôi

	một số thứ có hại cho sức khỏe.	thiu, rau quả khi rửa chưa sạch, nước lã, rượu bia... - Kể chuyện theo tranh. - Phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
21	Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Quan sát tranh ảnh, vật thật và trò chuyện. - Nhận biết và phòng tránh những đồ vật nguy hiểm. - Kể chuyện theo tranh. - Phân loại đồ vật theo nhóm.
22	Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Quan sát tranh ảnh và trò chuyện. - Nhận biết một số việc có thể gây nguy hiểm.
23	Trẻ nhận ra và không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Quan sát tranh ảnh và trò chuyện. - Nhận biết và phân biệt nơi bẩn, nơi sạch. - Nhận biết và phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ/ao/sông/ổ điện...) và nơi không nguy hiểm.
24	Trẻ biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	- Quan sát tranh và trò chuyện. - Hoạt động rèn kỹ năng sống.
25	Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	- Quan sát tranh ảnh một số hoạt động về các vụ cháy nổ, bị chảy máu. - Tập cho trẻ kỹ năng khi xảy ra hỏa hoạn.
26	Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Quan sát tranh ảnh và trò chuyện.
27	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp (Thể dục buổi sáng, bài tập phát triển chung trong các hoạt động học).
28	Trẻ thực hiện được vận động: Đi lên, xuống trên ván dốc	Đi lên, xuống trên ván kê dốc

	(Dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m.	
29	Trẻ biết đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi thay đổi hướng (Phía phải, phía trái...), đích đích. - Chạy đổi hướng (theo hiệu lệnh, thay đổi tốc độ).
30	Trẻ xếp chồng được 12-15 khối theo mẫu.	Sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ xếp chồng.
31	Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu đạm (thịt, cá...) thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng (rau, quả).	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 từng nhóm. - Hãy chọn theo yêu cầu; Hãy chọn đủ 3 thực phẩm hoặc nhóm thực phẩm; thì ai chọn nhanh...
32	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín uống nước đun sôi để khỏe mạnh, không uống nhiều nước ngọt có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết tên gọi và cách sử dụng một số loại thức ăn, nước uống. - Phân loại thức ăn, nước uống có lợi, có hại cho sức khỏe. - Tổ chức tiệc Buffet.
33	Trẻ thực hiện được các quy định: Không leo trèo cây, ban công, tường rào.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm.

1.2. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.

34	Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Nói được tên các thành viên trong gia đình, công việc, địa chỉ...
35	Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Nóng, lạnh, mưa...). - Bạn trai giúp đỡ bạn gái khi được đề nghị.
36	Trẻ nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.	Nói được khả năng trong các hoạt động và sở thích riêng.

37	Trẻ biết cách đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	Lựa chọn trò chơi, hoạt động theo sở thích
38	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.	Thực hiện một số công việc theo yêu cầu của cô giáo: Sắp xếp đồ dùng đồ chơi, lao động vệ sinh đồ dùng đồ chơi, thực hiện công việc theo nhóm bạn, trực nhật lớp...
39	Trẻ thể hiện được sự vui thích khi hoàn thành công việc.	Hoàn thành một số công việc của bản thân hoặc nhóm chơi: - Hoàn thành sản phẩm tạo hình, sản phẩm từ nguyên liệu phế thải - Hoàn thành sản phẩm chơi ở các góc. - Hoàn thành công việc được giao.
40	Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.	- Gắn ảnh lên bảng khi đến lớp và cất ảnh khi ra về. - Cất đồ dùng cá nhân, dép đúng nơi quy định. - Thực hiện công việc trực nhật lớp - Sử dụng đồ dùng cá nhân đúng ký hiệu.
41	Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	- Trò chuyện với bạn bè, với cô giáo - Tham gia trả lời các câu hỏi trong các hoạt động giáo dục. - Nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân, của bạn. - Nhận xét nhân vật trong các câu truyện.
42	Trẻ nhận biết được các trạng thái, cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.	- Nhận biết và nói được các trạng thái vui buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. - Quan sát tranh, ảnh các trạng thái, cảm xúc và nhận xét. - Thể hiện các trạng thái, cảm xúc theo yêu cầu của các trò chơi. - Tạo hình các khuôn mặt vui, buồn, sợ hãi...
	Trẻ bộc lộ được cảm xúc của	- Quan sát tranh ảnh và trò chuyện. - Giao tiếp với cô, với bạn.

43	bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt.	- Quan sát sản phẩm tạo hình, hoa, quả, con vật, đồ vật, mô hình... - Giờ đón trẻ và trả trẻ.
44	Trẻ thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Chúc mừng bạn, người thân trong ngày sinh nhật...an ủi bạn, người thân khi buồn. - Cỗ vũ trong các trò chơi.
45	Trẻ thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	- Sản phẩm tạo hình. - Sản phẩm ở các góc chơi. - Quan sát thiên nhiên, cây, hoa, quả, con vật...
46	Trẻ thích chăm sóc cây cối, các con vật quen thuộc.	- Quan sát cô giáo trồng và chăm sóc cây. - Thực hành chăm sóc cây. - Thực hành chăm sóc con vật.
47	Trẻ biết hay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	- Thể hiện sự chú ý trong các hoạt động. - Các sự kiện tổ chức ở nhà, ở trường: Sinh nhật, ngày hội ngày lễ... - Tập cho trẻ kể lại chuyện và đóng kịch.
48	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Kiểm chế bản thân khi chơi cùng bạn: Không tranh đồ chơi, đánh bạn, cầu, cào... - Sử dụng lời nói trong giao tiếp với bạn, với cô giáo và người thân.
49	Trẻ hòa đồng được với bạn bè trong nhóm chơi.	- Chơi ở các góc chơi. - Tham gia hoạt động theo nhóm nhỏ trong các hoạt động học
50	Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	- Trò chuyện giữa cô giáo và trẻ. - Trò chuyện giữa trẻ với trẻ. - Trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ trong các hoạt động.
51	Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.	- Kể lại cảm xúc, kinh nghiệm của mình với cô giáo, bạn... - Chơi nhóm nhỏ, trao đổi cùng bạn sử dụng đồ dùng đồ chơi trong các hoạt động.
52	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ người	- Trò chuyện qua tranh ảnh. - Giúp đỡ bạn khi được nhắc nhở, yêu cầu.

	khác khi gặp khó khăn.	- Tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng sống.
53	Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.	- Tạo nhóm bạn trong các trò chơi. + Trò chơi dân gian. + Trò chơi vận động. + Trò chơi theo nhóm nhỏ ở các góc, các hoạt động
54	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	Xếp hàng chờ đến lượt khi tham gia hoạt động vệ sinh, tham gia các trò chơi...
55	Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.	- Nghe ý kiến trao đổi trong các hoạt động. - Nghe ý kiến của bạn, của cô giáo trong giao tiếp hàng ngày.
56	Trẻ biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn.	- Thảo luận nhóm trong các hoạt động học, chơi. - Sử dụng lời nói để trao đổi và nhờ sự giúp đỡ.
57	Trẻ thể hiện được sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Tham gia các trò chơi. - Quan sát tranh ảnh và trò chuyện. - Kể truyện theo tranh.
58	Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn.	- Thực hiện công việc được phân công trong giờ ăn, giờ ngủ và yêu cầu của nhóm bạn. - Thực hiện vai chơi trong các trò chơi giả bộ. - Trò chơi đóng kịch.
59	Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Trục nhật lớp. - Sắp xếp đồ dùng đồ chơi gọn gàng sau khi chơi xong. - Chăm sóc góc thiên nhiên. - Lao động vệ sinh lớp học. - Nhặt lá rụng ngoài sân trường
60	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng tới người khác.	- Quan sát tranh ảnh, mô tả, đoán được hành vi có ảnh hưởng đến người khác. - Thực hiện đi nhẹ nhàng, nói đủ nghe, không nói leo...
61	Trẻ có thói quen chào hỏi,	- Trò chuyện với trẻ qua tranh ảnh. - Thực hiện trong hoạt động đón trả trẻ, hoạt

	cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.	động học.... - Tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng sống.
62	Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	Đề nghị hỗ trợ và giúp đỡ từ người lớn.
63	Trẻ nhận xét một số hành vi đúng sai của con người đối với môi trường.	- Quan sát tranh ảnh...mô tả các hành vi đúng sai về môi trường. - Kể chuyện qua tranh về các hành vi đúng sai. - Phân nhóm hành vi đúng - sai. - Khoanh tròn hoặc nối hành vi đúng - sai.
64	Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Quan sát và trò chuyện qua tranh ảnh. - Thực hành chăm sóc cây xanh, giữ gìn vệ sinh trong lớp. - Kể truyện theo tranh. - Làm sách tranh.
65	Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.	- Nói được những việc bạn làm được hoặc giúp cô, bạn bè...một số công việc theo sở thích của bạn. - Nói được những việc người thân làm được và sở thích của người thân.
66	Trẻ chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	Nói được sự khác biệt tên, sở thích, hình dáng bên ngoài và khả năng trong các hoạt động (Ăn uống, đồ chơi, đồ dùng, trò chơi, quần áo...)
67	Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	Tổ chức chơi trò chơi theo nhóm.
68	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường, khi tham gia giao thông... - Cát đồ dùng đồ chơi đúng quy định. - Nhận đúng ký hiệu của cá nhân, treo ảnh khi đến lớp và cất ảnh khi ra về. - Tổ chức hoạt động rèn kỹ năng sống: Vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị. Muốn đi chơi phải xin phép - Không làm ồn nơi công cộng

69	Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/ em trong gia đình.	- Nói được các thành viên gia đình của bé qua ảnh chụp gia đình, allbun gia đình, video gia đình.
70	Trẻ biết vâng lời giúp đỡ cha mẹ, cô giáo những công việc vừa sức.	- Chủ động trong một số công việc: Kê bàn ghế, trực nhật, lấy tắm, lấy nước... - Quan sát tranh ảnh và trò chuyện. - Kể chuyện, đọc thơ, hát...
71	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác: Chỗ ở, nơi làm việc....	Quan sát đoạn phim, mô hình. tranh ảnh về Bác Hồ và nơi làm việc của Bác: Nhà sàn, ao cá Bác Hồ, làng Sen quê Bác, lăng Bác Hồ, Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, Bác Hồ với bộ đội-công an.
72	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.	- Nghe hát, nghe nhạc các bài hát về Bác Hồ. - Hát và vận động minh họa. - Kể chuyện, đọc thơ về Bác Hồ
73	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống: Trang phục, món ăn của quê hương đất nước.	- Quan sát đoạn phim, mô hình. tranh ảnh và trò chuyện: Thủ đô Hà Nội, chùa một cột, lăng Bác Hồ, đền Trần... - Tham quan nhà văn hóa, di tích lịch sử đình La Chờ, hồ sen, cánh đồng lúa...
74	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thức ăn thừa.	- Quan sát đoạn phim. tranh ảnh và trò chuyện. - Thực hiện quy định thông qua các hoạt động

1.3. Lĩnh Vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp.

75	Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra đặc điểm tính cách nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong câu truyện, bài thơ. - Bắt trước giọng nói khi vui, buồn, tức giận... - Thể hiện giọng nói của các nhân vật trong truyện. - Thể hiện giọng đọc, qua các bài thơ.
----	---	--

		- Trò chuyện với bạn, người thân, cô giáo...
76	Trẻ nghe hiểu và thực hiện được một số chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động.	- Nghe, hiểu và thực hiện quy định chung trong chế độ sinh hoạt: + Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. + Chuẩn bị đồ dùng đồ chơi trong các hoạt động hoặc cất đồ dùng đồ chơi. - Nghe, hiểu và thực hiện quy định trong các hoạt động (Giơ tay phát biểu, chờ đến lượt...)
77	Trẻ hiểu được một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: Đồ dùng, thực vật, động vật.... - Các từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ....
78	Trẻ nghe, hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao trong chủ đề.	- Nghe kể truyện theo tranh hoặc kể lại truyện đã được nghe và đàm thoại theo nội dung câu truyện. - Dạy trẻ đọc thơ, đồng dao, ca dao và đàm thoại theo nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao.
79	Trẻ biết cách nói rõ ràng.	- Trò chơi luyện phát âm. - Nói ý kiến của bản thân. - Trả lời các câu hỏi trong mọi hoạt động học, chơi.
80	Trẻ sử dụng được các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Các từ loại: danh từ, động từ, tính từ về cây cối, con vật, hoa, quả, tranh ảnh, hành động trong tranh... - Một số liên từ, từ cảm thán, từ láy thông qua các hoạt động và giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh.
81	Trẻ sử dụng được các loại câu khác nhau trong giao tiếp.	- Các loại câu nhiều danh từ, tính từ, các loại câu đơn, câu đơn mở rộng, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định (Nếu...thì; Bởi vì; tại sao...trong giao tiếp). - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (Để làm gì? tại sao? ,vì sao?. - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại.
	Trẻ sử dụng được lời nói để	- Sử dụng từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết,

82	bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	âm nhạc, vận động để bày tỏ cảm xúc, ý nghĩ và kinh nghiệm. - Sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt. - Thảo luận, hợp tác, chỉ dẫn trong nhóm chơi. - Sử dụng những cử chỉ đơn giản (Vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ...
83	Trẻ sử dụng được lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	Sử dụng lời nói để trao đổi trong trò chơi, trong các hoạt động theo nhóm nhỏ.
84	Trẻ kể được về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.	- Kể lại một sự việc xảy ra, sự kiện ở nhà, ở trường, hiện tượng thời tiết, thiên nhiên, sự thay đổi của cây cối hoa quả... - Kể về các chuyến đi thăm quan. - Kể về các buổi sinh nhật. - Mô tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình.
85	Trẻ kể lại được nội dung truyện đã nghe theo trình tự nhất định.	- Kể lại truyện đã được nghe, vào các trang của truyện đúng trình tự. - Kể chuyện sáng tạo theo tranh, mô hình, đồ vật.
86	Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Giao tiếp, nói chuyện với bạn, với mọi người. - Bắt đầu cuộc trò chuyện
87	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.	- Điều chỉnh cường độ giọng nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí... - Giọng điệu và tốc độ thích hợp.
88	Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	- Nghe kể truyện, nghe cô hướng dẫn chỉ dẫn trong các hoạt động - Nghe và trả lời câu hỏi theo nội dung câu chuyện, bài thơ.
89	Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.	- Giơ tay và chờ đến lượt khi muốn nói. - Trò chuyện, giao tiếp hàng ngày giữa cô giáo với trẻ, giữa trẻ với trẻ.

90	Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	- Dùng câu hỏi để hỏi lại. - Biểu hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi nghe mà không hiểu.
91	Trẻ sử dụng được một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.	Chào cô khi đến lớp, khi có khách đến lớp, chào cô, chào bạn và chào ông bà bố mẹ khi ra về.
92	Trẻ biết không nói tục, chửi bậy.	Các hoạt động trong chế độ sinh hoạt.
93	Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Chơi ở góc sách, mở sách ra xem. - Đề nghị người khác đọc cho nghe. - Trang trí lớp, các khu vực có chữ và hình ảnh minh họa.
94	Trẻ thể hiện sự thích thú đối với sách.	- Chọn, đọc, xem sách. Bắt trước hành vi đọc, giả vờ đọc sách, truyện, kể truyện, làm sách... - Các hoạt động đọc, kể truyện theo tranh, sách. - Tìm sách và yêu cầu người khác đọc cho nghe.
95	Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Giữ gìn và bảo vệ sách. - Cất sách đúng nơi quy định.
96	Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.	- Nhận biết ký hiệu đồ dùng cá nhân. - Nhận biết ký hiệu thùng rác, bình nước rửa tay-rửa mặt, bình nước uống, phòng chống cháy nổ, tiết kiệm điện nước.... - Nhận biết biển báo giao thông, chữ viết, nhãn hàng hóa...
97	Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.	- Nhận biết các phần của sách: Trang bìa, các trang sách, lời (chữ) trong sách, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả, bắt đầu và kết thúc. - Cầm sách đúng chiều và lật giở từng trang. - Cầm sách và giả vờ đọc, đọc từ trái sang phải, từ dòng trên, xuống dòng dưới.
98	Trẻ biết cách “Đọc” theo	- Đọc theo sách truyện, theo tranh vẽ đã được

	truyện tranh đã biết.	nghe đọc theo chủ đề
99	Trẻ biết kể chuyện theo tranh.	- Kể chuyện theo tranh, đồ vật đã được nghe theo trình tự.
100	Trẻ biết chữ viết có thể đọc thay cho lời nói.	Sử dụng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu thay cho lời nói.
101	Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Vẽ phần ngoài sân trường. - Xếp lá cây, que tính. - Mô phỏng bằng hành động để người khác đoán.
102	Trẻ bắt chước được hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.	Tập sao chép chữ cái, tên của bản thân.
103	Trẻ biết viết tên bản thân theo cách của mình.	- Tập viết tên theo ký hiệu vào sản phẩm tạo hình. - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ.
104	Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	Tập tô các nét, các chữ cái đúng hướng.
105	Trẻ nhận dạng được chữ cái trong các bảng tiếng Việt.	- Nhận dạng và phát âm các chữ cái qua thẻ chữ. - Nhận dạng và phát âm các chữ cái qua từ, đoạn thơ, tranh lô tô...
106	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. VD: Các bạn bắt đầu bằng chữ T đứng bên phải, các bạn bắt đầu bằng chữ H đứng bên trái	- Chơi các trò chơi theo yêu cầu của nhóm bạn, của cô giáo. - Làm quen với chữ cái. Trò chơi với chữ cái.
107	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	Trò chuyện, giao tiếp qua các hoạt động hàng ngày.
108	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...phù hợp với ngữ cảnh.	Các từ chỉ đồ dùng, đồ chơi, thực vật, động vật, PTGT...

109	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Dạy trẻ đọc thơ, đồng dao, ca dao - Chơi trò chơi có kết hợp đọc lời đồng dao, thơ...
110	Trẻ kể có thể thay đổi một vài tình tiết như: Thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	Kể chuyện sáng tạo.
111	Trẻ đóng được vai của các nhân vật trong truyện.	Đóng kịch theo nội dung câu truyện.
1.4. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.		
112	Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.	Nghe hát, nghe nhạc, nghe đàn...nghe xướng âm bài hát theo các chủ đề
113	Trẻ hát đúng giai điệu bài hát trẻ em	Hát đúng giai điệu, lời ca, thể hiện sắc thái tình cảm bài hát theo các chủ đề
114	Trẻ thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp nhịp điệu của của bài hát hoặc bản nhạc.	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu bài hát (Nhún, lắc lư, vỗ tay, vẫy tay, động tác minh học...).
115	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.	- Phối hợp các vật liệu thiên nhiên (hột hạt, lá cây khô, cành cây khô...), nguyên liệu tái sử dụng (các loại hộp, chai lọ...), nguyên liệu tạo hình (các loại giấy, màu nước...) để tạo thành sản phẩm theo chủ đề. - Sử dụng kỹ năng vận động tinh để thiết kế sản phẩm phù hợp với tiêu chí và vật liệu đã chọn - Làm sách tranh.
116	Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình/ thiết kế.	- Nói ý tưởng về sản phẩm tạo hình: Vẽ, nặn, xé dán... - Nói ý tưởng thiết kế, chế tạo và lựa chọn dụng cụ thiết kế, chế tạo sản phẩm.
	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng	

117	điều và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Chơi với các nhạc cụ âm nhạc. - Làm nhạc cụ âm nhạc từ nguyên vật liệu khác nhau
118	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.	Nghe hát, nghe nhạc, nghe đàn, xem băng hình. Tham dự hoạt động ngày hội, ngày lễ. Biểu diễn văn nghệ cuối tuần, cuối chủ đề.
119	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Sản phẩm tạo hình: Vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình...
120	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ/ tô màu để tạo thành sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Vẽ/tô màu, trang trí đồ vật, đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây cối, hoa, quả, PTGT, sự vật, hiện tượng...
121	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, in để tạo thành sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Cắt, xé dán, in, trang trí đồ vật, đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây cối, hoa, quả, PTGT, sự vật, hiện tượng...
122	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo sản phẩm có bố cục cân đối.	Nặn đồ vật, đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây cối, hoa, quả, PTGT...
123	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Sử dụng đồ dùng, đồ chơi để xếp thành các sản phẩm theo chủ đề. - Sử dụng các loại nút chai, vỏ ngao, vỏ hến, lá cây khô, vỏ cây...
124	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình/thiết kế về màu sắc, hình dáng, bố cục	- Nói được các thông tin cơ bản và mở rộng về sản phẩm. - Mô tả ý định cải thiện sản phẩm. - Nhận xét sản phẩm (vẽ, xé, dán...) - Nhận xét sản phẩm tự tạo từ các nguyên vật

		liệu thiên nhiên, phế thải. - Nhận xét sản phẩm hoạt động chơi ngoài trời.
125	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	Sử dụng dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu, phù hợp với bài hát trong các hoạt động: + Biểu diễn cuối chủ đề. + Hát và vận động theo nhạc. + Liên hoan văn nghệ cuối tuần + Trò chơi âm nhạc.
126	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm: Vẽ, nặn, cắt dán, xé dán, dán, xếp hình
1.5. Lĩnh vực phát triển nhận thức.		
127	Trẻ gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.	- Đặc điểm chung của nhóm các con vật, cây cối - Đặt tên cho nhóm con vật, cây cối - Phân loại nhóm con vật, cây cối.
128	Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.	- Quá trình phát triển của cây: Thực hành “Reo hạt” và quan sát sự nảy mầm của hạt, phát triển của cây. - Quá trình sinh nở của con vật. - Sắp xếp tranh ảnh theo trình tự phát triển của cây, con vật. - Sự thay đổi của một số hiện tượng tự nhiên
129	Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.	- Tên mùa và đặc điểm đặc trưng của 4 mùa. - Giải câu đố về các mùa. - Trò chơi về các mùa. - Thực hành bảng “Lịch của bé”.
130	Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Dự đoán một số hiện tượng nắng, râm, mây, mưa, sấm chớp... - Thực hành bảng lịch của bé
131	Trẻ phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất	- Nhận biết tên gọi, đặc điểm chung một số đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại một số đồ dùng đồ chơi theo 2-3

	liệu và công dụng.	dấu hiệu. - Chọn đồ dùng, đồ chơi theo nhóm, gọi tên nhóm theo yêu cầu. Tô, nôi, khoanh tròn đồ dùng...
132	Trẻ kể được tên một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Tên gọi và một số đặc điểm của khu vui chơi, trường học, khám bệnh... - Dạo chơi, tham quan một số địa điểm ở địa phương...
133	Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm...một số nghề phổ biến ở địa phương (Nghề nông, chăn nuôi, trồng trọt, may mặc). - Trò chơi về các nghề.
134	Trẻ nhận biết được con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	- Chỉ và đếm nhóm đối tượng có số lượng từ 1 - 10. - Chỉ và đọc các số từ 1 - 10. - Đọc chữ số ở biển lớp, biển xe máy...
135	Trẻ biết gộp/tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất hai cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Gộp/ tách nhóm đối tượng thành 2 phần bằng các cách: Gộp/tách theo ý thích, gộp/tách theo yêu cầu, gộp/ tách theo cặp số.
136	Trẻ biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	- Thao tác đo độ dài một đối tượng. - Đo độ dài một đối tượng bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các đối tượng bằng một đơn vị đo.
137	Trẻ chỉ được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	- Chỉ khối cầu, khối trụ; khối vuông, khối chữ nhật theo yêu cầu. - Sắp xếp theo quy tắc. - Phân loại các khối theo yêu cầu. - Nhận dạng một số vật có dạng các khối. - Xếp các khối thành sản phẩm.
138	Trẻ xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một	- Xác định vị trí (phía trong-phía ngoài; phía trên-phía dưới, phía trước- phía sau của đối tượng. (Có sự định hướng) - Xác định phía phải, phía trái của bạn khác

	vật so với một vật khác.	(có sự định hướng). - Nhận biết vị trí của một vật trong cuộc sống.
139	Trẻ gọi được tên các ngày trong tuần theo thứ tự.	- Nhận biết được các ngày (thứ) trong tuần trên lịch. - Kể tên các ngày trong tuần bắt đầu từ thứ hai.
140	Trẻ phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai và các sự kiện hàng ngày.	- Nhận biết phân biệt ngày hôm qua và hôm nay; ngày hôm nay và ngày mai. - Nói các công việc làm ngày hôm qua, hôm nay và ngày mai. - Phân biệt các sự kiện hàng ngày qua lịch của bé.
141	Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.	Nhận biết được các ngày trên lịch, nhận biết các giờ trên đồng hồ.
142	Trẻ biết đặt câu hỏi.	Đặt câu hỏi khi tham gia các hoạt động học hoặc muốn tìm hiểu hoặc chưa rõ về thông tin...
143	Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng, đồ vật đồ dùng đồ chơi.	- Khám phá, trải nghiệm, thảo luận về đồ dùng đồ chơi, đồ vật, trò chơi. Những thay đổi về thời tiết, hiện tượng tự nhiên, cây cối... - Quan sát, trải nghiệm, thảo luận về một số thử nghiệm đơn giản...
144	Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản hàng ngày.	- Nguyên nhân về hiện tượng tự nhiên, bão lụt, cháy, hạn hán... - Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì...nên...”.
145	Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	- Khoanh đối tượng không cùng nhóm. - Chỉ và gọi tên hoặc xếp riêng đối tượng không cùng nhóm. - Tô màu đối tượng không cùng nhóm.
146	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- Sắp xếp các đối tượng theo thứ tự: + Từ to nhất đến nhỏ nhất, từ nhỏ nhất đến to nhất; từ cao đến thấp + Sắp xếp theo màu sắc. + Sắp xếp con vật, hoa, quả, rau.

		+ Sắp xếp các chữ số, chữ cái.
147	Trẻ biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.	- Thay một từ hoặc một cụm từ của một bài hát (Ví dụ: Bài hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”. - Thay tên mới cho câu chuyện phản ánh đúng nội dung, ý tưởng của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật, con vật mà trẻ thích VD: đặt tên cho cái chăn mà trẻ thích là cái chăn thần kì; đặt tên cho chú gà nhựa đồ chơi là hiệp sĩ gà...
148	Trẻ thực hiện được một số công việc theo cách riêng của mình.	- Hoàn thành bài vẽ, xé, dán, tô màu tranh, nôi chữ cái chữ số... - Hoàn thành công việc trực nhật, chăm sóc cây...
149	Trẻ thể hiện được ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	- Khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi mới. - Chắp ghép các khối, hình học, đồ chơi lắp ghép thành sản phẩm khác nhau. - Vận động theo nhạc; sáng tạo trong sản phẩm tạo hình
150	Trẻ kể lại được câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.	- Tập kể lại câu truyện đã được nghe. - Tập kể chuyện sáng tạo theo tranh, theo tưởng tượng
151	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Phân loại đồ vật, đồ dùng đồ chơi, động vật, thực vật, PTGT...
152	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Đo dung tích của các vật, so sánh và nói kết quả đo.
153	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Giới thiệu họ và tên, ngày sinh, giới tính của bản thân trẻ.
	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của	Giới thiệu tên, tuổi, giới tính, công việc của

154	các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	bố, mẹ, ông, bà, anh, chị...
155	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) khi được hỏi, trò chuyện.	Trò chuyện địa chỉ gia đình ở, số điện thoại của người thân.
156	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên trường, địa chủ của trường. - Trò chuyện về đặc điểm của trường, lớp.
157	Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Giới thiệu về họ tên, đặc điểm của các bạn trong lớp.
158	Trẻ kể được tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số di tích: Nghĩa trang liệt sĩ, đền trần...

2. Mục tiêu và nội dung giáo dục trẻ mẫu giáo 4 tuổi.

2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

TT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1	Cân nặng của trẻ (60 tháng tuổi) - Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg. - Trẻ trai: 13,7 - 24,9 kg.	- Khẩu phần ăn theo độ tuổi. - Chăm sóc sức khỏe. - Tổ chức cân 3 tháng/lần
2	Chiều cao của trẻ (60 tháng tuổi) - Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm. - Trẻ trai: 99,9 - 118,9 cm.	- Khẩu phần ăn theo độ tuổi. - Chăm sóc sức khỏe. - Tổ chức cân 3 tháng/lần
3	Trẻ thực hiện được vận động đi thăng bằng trên ghế thể	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục. - Đi thăng bằng trên các dụng cụ thể dục khác

	dục.	nhau (Ghế tre, xốp, cầu tre...)
4	Trẻ biết tung - bắt bóng với người đối diện khoảng cách 3m.	- Tung bắt bóng với cô - Tung bắt bóng cùng với bạn - Trò chơi: Tung bóng.
5	Trẻ ném được trứng đích ngang (xa 2m).	- Ném trúng đích nằm ngang - Chơi với bóng, túi cát... - Trò chơi dân gian “Ném vòng cổ chai”...
6	Trẻ thực hiện chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong khoảng 10 giây.	- Chạy thẳng hướng, chạy theo yêu cầu của cô. - Trò chơi: Ai khỏe.
7	Trẻ cắt được theo đường thẳng.	- Cắt theo đường vẽ thẳng. - Cắt theo hình hình học. - Cắt nan giấy, cắt hàng rào.
8	Trẻ xếp, chồng được 10 - 12 khối.	- Sử dụng các khối để xếp, chồng. - Xếp, chồng các khối thành mô hình theo chủ đề.
9	Trẻ biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Quan sát các bước cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. - Thực hành cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
10	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày (rau luộc, thịt kho, cá rán, canh, cơm).	- Quan sát tranh ảnh, đoạn video và gọi tên các món ăn. - Nhận biết các món ăn hàng ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản một số món ăn. - Trò chơi: Giả bộ, kể tên các món ăn theo yêu cầu.
11	Trẻ biết tự cầm bát, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi.	- Bữa ăn hàng ngày. - Trò chơi giả bộ.
12	Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu, không uống nước lã.	- Trò chuyện về các loại thức ăn, nước uống không có lợi cho sức khỏe. - Nhận biết các loại thức ăn, nước uống.

13	Trẻ biết tự rửa tay, lau mặt, đánh răng.	- Quan sát các bước rửa tay rửa mặt, rửa tay, đánh răng. - Sử dụng mô hình hàm răng để thực hành. - Thao tác rửa tay bằng xà phòng.
14	Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Bị đau, chảy máu, ngã, cháy, bị lạc.	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
15	Trẻ nhận biết và phòng tránh những vật/ hành động nguy hiểm, nơi không an toàn (leo trèo bàn ghế, bàn là đang dùng, bếp đang nấu, vật nhọn sắc, bể chứa nước, giếng, cống...).	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
16	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
17	Trẻ kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.
18	Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	Đập và bắt bóng tại chỗ.
19	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá...có nhiều chất đạm: Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết 4 nhóm thực phẩm trong tháp dinh dưỡng. - Chơi với đồ chơi dinh dưỡng 1,2,3,4. - Trò chơi: Phân loại thực phẩm theo nhóm. - Trò chơi: Bé tập làm nội trợ.
20	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, SDD, béo phì...). - Hoạt động: Giờ ăn của bé

	để có đủ chất dinh dưỡng.	- Trò chơi: Bé tập làm nội trợ. - Làm sách tranh: Các món ăn của bé.
21	Trẻ chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Biết ăn rau và ăn các loại thức ăn khác nhau trong bữa ăn. - Tổ chức tiệc buffet.

2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

TT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
22	Trẻ biết tìm hiểu nguyên nhân xảy ra của các sự vật hiện tượng đơn giản xung quanh, biết đặt câu hỏi: tại sao (cây lại héo? lá bị ướt...)	- Nguyên nhân gây ra các hiện tượng sạt lở đất, lũ lụt, bão... - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước . - Thực hành, trải nghiệm điều kiện sống của cây, hoa...
23	Trẻ nhận biết và gọi tên 4 màu.	- Nhận biết màu sắc: Xanh, đỏ, vàng, lam... - Chọn màu sắc theo yêu cầu. - Sắp xếp màu sắc theo quy tắc, sắp xếp màu sắc tự do. - Chọn sáp màu để tô, vẽ
24	Trẻ biết phân loại đối tượng theo một - hai dấu hiệu	Phân loại đồ vật; đồ dùng, đồ chơi; động vật; thực vật; PTGT...theo một hai dấu hiệu.
25	Trẻ biết đếm đối tượng trong phạm vi 10.	Chỉ và đếm đối tượng trong phạm vi 10: Đếm ngón tay; đếm đồ vật, đồ dùng đồ chơi, đếm quả, đếm hoa, đếm cây, đếm con vật, đếm PTGT...; đếm theo tiếng kêu của con vật; đếm theo nhịp vỗ sắc xô, tiếng vỗ tay...
26	Trẻ nhận biết số lượng và thứ tự từ 1 - 5.	- Nhận biết chữ số và số lượng trong phạm vi 5. - Xếp các chữ số từ 1 đến 5 hoặc từ 5 đến 1 hoặc xếp theo quy tắc...

		- Nhận biết các con số trong cuộc sống hàng ngày (Biển số xe, số điện thoại...).
27	Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả gần gũi.	- Quan sát, thảo luận, trải nghiệm về tên gọi, đặc điểm của con vật, cây, hoa, quả gần gũi và ích lợi con vật, cây, hoa, quả. - Trò chơi về các con vật, cây, hoa, quả. - Giải câu đố về các con vật, cây, hoa, quả. - Phân nhóm con vật, cây, hoa, quả theo đặc điểm chung.
28	Trẻ biết vị trí của vật so với bản thân.	Xác định vị trí của vật so với bản thân trẻ (Phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới, phía phải-phía trái)
29	Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ “Cho thêm đường/muối...nên nước ngọt/mặn hơn...”.	Nhận biết màu sắc, vị ngọt/ mặn của nước
30	Trẻ so sánh được số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đồ dùng đồ chơi, quả, hoa, cây, con vật, PTGT... - Tô màu, khoanh, nối số lượng của 2 nhóm đối tượng.
31	Trẻ biết gộp/tách nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	Gộp/tách nhóm đối tượng: Đồ dùng đồ chơi, quả, hoa, cây, con vật, PTGT...
32	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	So sánh sắp xếp thứ tự chiều dài/chiều rộng/chiều cao của 3 đối tượng.
33	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
34		- So sánh sự giống và khác nhau giữa hình tròn và hình tam giác, hình vuông và hình chữ

	Trẻ chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật....)	nhật. - Trò chơi: Nhận dạng đồ dùng đồ chơi dạng hình học vuông, tròn, tam giác, chữ nhật.
35	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm.	- Tạo hình/ thiết kế sản phẩm từ que tính, hình hình học, các loại giấy... - Chắp ghép/ gắn kết các chi tiết để tạo thành sản phẩm theo yêu cầu.
36	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Giới thiệu về họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
37	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Trò chuyện về họ tên, công việc của bố, mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Giới thiệu ảnh chụp của gia đình. - Làm allbun ảnh về gia đình.
38	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (Thôn/xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Trò chuyện về địa chỉ của gia đình.
39	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Trò chuyện về tên, địa chỉ của trường, lớp
40	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Trò chuyện về họ tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường.
41	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trò chuyện về họ tên và một vài đặc điểm của các bạn.
42	Trẻ kể được tên, công việc,	- Trò chuyện về tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ

	công cụ, sản phẩm/ích lợi ...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	biến. - Quan sát, thảo luận, trải nghiệm về tên gọi, công cụ, sản phẩm nghề truyền thống của địa phương (Nghề nông, nghề chăn nuôi, trồng trọt, may mặc).
43	Trẻ kể được tên và nói đặc điểm một số ngày lễ hội.	Trò chuyện về tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội của quê hương, đất nước (Tết trung thu).
44	Trẻ kể được tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	Trò chuyện về tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước. - Dạo chơi, tham quan di tích lịch sử đình La Chợ, hồ sen, nhà văn hóa thôn...

2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.

45	Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.	Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu của cô.
46	Trẻ biết lắng nghe kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện.	Nghe hiểu nội dung truyện kể. Trả lời và đặt các câu hỏi theo nội dung câu truyện.
47	Trẻ biết kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.	- Kể lại các sự vật, hiện tượng đã nghe thấy, nhìn thấy cho người khác. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
48	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem, "Đọc" ("đọc vẹt")	- Làm quen với cách đọc (Đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dưới. Đọc ngắt nghỉ sau các dấu). - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn, bảo vệ sách.
49	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...).
50		Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công

	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	dụng, các từ biểu cảm về đồ vật, đồ dùng đồ chơi, động vật, thực vật vật...
51	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu phức, câu mở rộng (Quan sát tranh ảnh, mô hình, vật thật, đoạn phim và đàm thoại). - Đàm thoại theo nội dung câu truyện, bài thơ, bài hát).
52	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân về các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định (ăn uống, vệ sinh, đồ vật, đồ dùng đồ chơi, động vật, thực vật...)
53	Trẻ đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	Dạy trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao theo các chủ đề.
54	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện theo tranh. - Kể lại truyện đã được nghe.
55	Trẻ biết bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	- Thể hiện giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện, thơ theo các chủ đề. - Tập đóng vai các nhân vật trong chuyện.
56	Trẻ biết sử dụng các từ như “Mời cô”, “Mời bạn”, “Cảm ơn”, “Xin lỗi”...trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép (Quan sát tranh ảnh, đoạn phim và trò chuyện). - Xưng hô lễ phép với người thân, cô giáo, bạn bè. - Chào hỏi khi đến lớp, khi ra về, khi có khách đến lớp).
57	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và QHXX.

58	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép “Cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi
59		Thực hiện một số công việc: Cất vở, bút và

	Trẻ biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn.	học liệu sau giờ học. Cát và lấy đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh đồ dùng đồ chơi. Trục nhật, chăm sóc cây...
60	Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cần thiết.	- Lắng nghe ý kiến của người khác. - Nghe kể chuyện, đọc thơ. - Nghe âm thanh ngoài sân trường. - Nghe âm thanh của con vật, PTGT... - Trò chơi âm nhạc.
61	Trẻ biết thể hiện sự quan tâm với người thân và bạn bè.	- Quan tâm đến người thân trong gia đình - Quan tâm, giúp đỡ bạn bè trong nhóm lớp.
62	Trẻ thực hiện một số qui định (Cát đồ chơi, trục nhật, giờ ngủ không làm ồn, bỏ rác đúng nơi qui định, không để tràn nước khi rửa tay).	Thực hiện một số quy định ở lớp, ở trường và nơi công cộng (Để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn khi ngủ; bỏ rác vào thùng; khóa vòi nước sau khi rửa tay; đi bên phải lề đường...)
63	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Tên bố, mẹ.	Giới thiệu về họ tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ. Họ tên của bố, mẹ.
64	Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc gì trẻ có thể làm được	Giới thiệu về khả năng, sở thích của bản thân trẻ và công việc trẻ làm được.
65	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Chủ động chọn đồ chơi, trò chơi trong các hoạt động.
66	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, giọng nói, cử chỉ, qua tranh.
67	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình...
68	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ kính yêu, lăng Bác Hồ qua tranh, ảnh, đoạn phim...

69	Trẻ thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể truyện về Bác Hồ.	Kể chuyện, đọc thơ, hát về Bác Hồ...
70	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	Trò chuyện về cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước qua tranh, ảnh, băng hình... (Lễ hội đền Trần...)

2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.

71	Trẻ hát đúng giai điệu, bài hát quen thuộc; thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp (vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy...) với nhịp điệu bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc
72	Trẻ có một số kỹ năng tạo hình đơn giản: Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang..., tô màu, xé, cắt theo đường thẳng, đường cong, in... tạo thành sản phẩm đơn giản.	Sử dụng các kỹ năng vẽ-tô màu, xé dán, cắt dán, in để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét khác nhau.
73	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm (Vẽ, nặn, xé-cắt dán...).	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình (các loại giấy, màu nước...), vật liệu trong thiên nhiên (lá cây khô, cành cây khô, hạt hạt, sỏi...), nguyên vật liệu tái sử dụng (các loại hộp, chai lọ...) tạo thành sản phẩm theo chủ đề.
74	Trẻ nói được ý tưởng sản phẩm.	Nói lên được ý tưởng tạo hình/ thiết kế (cách làm, chất liệu, màu sắc, đường nét, hình dáng).
75	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên

	các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
76	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe giai điệu qua đàn... - Nghe kể truyện theo tranh, mô hình, nghe đọc thơ, ca dao đồng dao.
77	Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng các kỹ năng nặn để thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
78	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau
79	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bài hát.
80	Trẻ đặt được tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình

3. Mục tiêu và nội dung giáo dục trẻ mẫu giáo 3 tuổi.

3.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

TT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1	Cân nặng của trẻ (48 tháng): - Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg. - Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg.	- Khẩu phần ăn theo độ tuổi. - Chăm sóc sức khỏe. - Tổ chức cân 3 tháng/lần
2	Chiều cao của trẻ (48 tháng): - Trẻ trai: 94,9 - 117,7 cm. - Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.	- Khẩu phần ăn theo độ tuổi. - Chăm sóc sức khỏe. - Tổ chức cân 3 tháng/lần
3	Trẻ đi đúng tư thế, (chân bước đều, phối hợp tay chân	Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động “ đi ”.

	nhịp nhàng, người ngay ngắn, đầu không cúi).	
4	Trẻ tung - bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 2,5cm).	Kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động “tung bắt bóng” .
5	Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 15m.	Kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động “chạy liên tục thẳng hướng” .
6	Trẻ cắt được theo đường thẳng (10 cm).	Sử dụng đồ dùng: Kéo, giấy cắt theo đường thẳng.
7	Trẻ xếp, chồng được 8 - 10 khối không đổ.	Sử dụng các khối khác nhau để xếp, chồng.
8	Trẻ nói được tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn thấy vật thật, tranh ảnh: Thịt - cá; rau - quả...	- Nhận biết và gọi tên một số thực phẩm qua tranh ảnh, vật thật, đồ dùng đồ chơi. - Bé tập làm nội trợ. - Trò chơi, câu đố về thực phẩm.
9	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo... với sự giúp đỡ.	- Quan sát và trò chuyện các bước rửa tay, lau mặt ... - Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tập làm một số việc: cởi quần áo, tháo tất.
10	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Nhận biết đồ dùng theo ký hiệu riêng. - Sử dụng đồ dùng trong hoạt động ăn uống. - Trò chơi: Giả bộ.
11	Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu...	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
12	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.
13	Trẻ chạy được liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	Kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động “chạy liên tục trong đường dích dắc” .

14	Trẻ ném được trúng đích nằm ngang (xa 1,5m).	Kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động “ném trúng đích nằm ngang” .
15	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết món ăn quen thuộc trong các bữa ăn hàng ngày. - Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
16	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi.	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..)
17	Trẻ nhận ra và tránh một số vật nguy hiểm (bàn là, bếp gas đang đun, phích nước nóng, ...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vận dụng nguy hiểm đến tính mạng.
18	Trẻ biết tránh một số nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, không an toàn.

3.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

19	Trẻ biết phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	Phân loại đồ vật, đồ dùng đồ chơi, động vật, thực vật, PTGT...
20	Trẻ biết đếm trên các đối tượng đến 5.	- Nhận biết các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. - Đếm nhóm đối tượng trong thực tế. - Trò chơi củng cố kỹ năng đếm.
21	Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5; nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5. - Tô màu, khoanh, nối 2 nhóm đối tượng.
22		- Nhận biết, gọi tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - Nhận dạng các hình hình học trong thực tế. - Xếp hình tròn, hình vuông, hình tam giác,

	Trẻ nhận dạng và gọi tên đ-ợc các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	hình chữ nhật bằng hột hạt, que tính... - Vẽ hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật trên sân, trên bảng. - Chắp ghép các hình hình học thành thành sản phẩm.
23	Trẻ biết so sánh 2 đối t-ợng về kích th-ớc và nói các từ: to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ngắn hơn, cao hơn/thấp hơn, rộng hơn/hẹp hơn.	So sánh 2 đối tượng về kích thước: - To hơn - nhỏ hơn. - Cao hơn - thấp hơn. - Dài hơn - ngắn hơn. Rộng hơn/hẹp hơn.
24	Trẻ nhận biết đ-ợc một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, đồ dùng, con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Quan sát, thảo luận, trải nghiệm về tên gọi, đặc điểm nổi bật và lợi ích của đồ vật, đồ dùng, con vật, cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
25	Trẻ mô tả đ-ợc những dấu hiệu nổi bật của đối t-ợng khi quan sát với sự giúp đỡ.	- Quan sát, thảo luận về hiện tượng nắng, mưa, gió, nóng, lạnh và ảnh hưởng đến sinh hoạt của con người. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
26	Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng (VD: thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi...).	Thử nghiệm với nước: - Thả các vật vào nước. - Chơi với nước. Thử nghiệm với cây, hoa, đất, hạt giống.
27	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Mối quan hệ giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống
28	Trẻ biết gộp/tách nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. Đếm và nói kết quả.	Gộp/tách nhóm đối tượng có số lượng là 2, 3, 4,5 và đếm.
29	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn	- Sắp xếp theo quy tắc về màu sắc. - Sắp xếp theo quy tắc về kích thước, hình

	giản (mẫu) và sao chép lại.	dạng. - Sắp xếp theo quy tắc về đồ vật, đồ dùng đồ chơi, động vật, thực vật, PTGT...
30	Trẻ sử dụng được lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Nhận biết phía trên-phía dưới; phía trước-phía sau, tay phải-tay trái của bản thân.
31	Trẻ nói đ-ợc tên, tuổi, giới tính của bản thân khi đ-ợc hỏi, trò chuyện	Giới thiệu tên, tuổi, giới tính của bản thân.
32	Trẻ nói đ-ợc tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi đ-ợc hỏi, trò chuyện	Trò chuyện về tên của bố mẹ và những người thân trong gia đình.
33	Trẻ nói đ-ợc địa chỉ của gia đình khi đ-ợc hỏi, trò chuyện.	Trò chuyện về địa chỉ ra đình (thôn/xóm, xã, huyện, tỉnh).
34	Trẻ nói được tên tr-ờng /lớp, cô giáo, các bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi đ-ợc hỏi, trò chuyện	- Trò chuyện về tên trường, địa chỉ của trường. Tên lớp mẫu giáo, tên cô giáo và công việc của các cô giáo. - Trò chuyện về tên các bạn, tên đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
35	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	Trò chuyện về tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến như: nghề sản xuất, nghề xây dựng nghề chăm sóc sức khỏe, nghề truyền thống...
36	Trẻ kể được tên một số ngày lễ hội như ngày khai giảng, tết trung thu, 20/11... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Trò chuyện về một số ngày lễ hội của địa phương.
37	Trẻ kể được tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	Trò chuyện về một số danh lam, thắng cảnh ở địa phương.

3.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.

38	Trẻ phát âm rõ ràng để ng-ời khác hiểu đ-ợc.	Phát âm các tiếng của tiếng việt qua đọc thơ, trò chơi luyện phát âm; trò chuyện và quan sát gọi tên đồ vật, đồ dùng đồ chơi, động vật,
----	--	---

		thực vật PTGT...
39	Trẻ biết lắng nghe và trả lời đ- ọc câu hỏi của ng- ời đối thoại (Cái gì? ở đâu? Làm gì?	- Quan sát tranh ảnh, mô hình, vật thật, đoạn phim và đàm thoại. - Đàm thoại theo nội dung câu truyện, bài thơ, bài hát.
40	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã đ- ọc nghe với sự giúp đỡ của ng- ời lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
41	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên được tên nhân vật trong tranh.	- Quan sát tranh ảnh, mô hình, vật thật...và gọi tên nhân vật. - Nghe kể chuyện theo tranh và kể tên các nhân vật trong truyện.
42	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	Hiểu các từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, đồ chơi, hoa, quả gần gũi quen thuộc...
43	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	Kể lại một số sự việc.
44	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè theo các chủ đề.
45	Trẻ sử dụng các từ “Vâng ạ” “Dạ” “ Thưa”trong giao tiếp.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: Vâng ạ, cảm ơn, xin lỗi, xin, chào cô, chào bạn, chào ông bà bố mẹ, mời cô mời bạn trước khi ăn...phù hợp với hoàn cảnh.
46	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem tranh, truyện tranh. - Nghe đọc truyện, truyện tranh theo chủ đề. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.

3.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.

TT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
47	Trẻ nói đ-ợc tên, tuổi, giới tính của bản thân; tên của bố, mẹ.	- Giới thiệu tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Giới thiệu ảnh chụp của gia đình (tên bố, mẹ). - Trò chơi: Đóng vai các thành viên trong gia đình.
48	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép khi đ-ợc nhắc nhở.	- Quan sát tranh, đoạn phim và trò chuyện. - Thực hiện nói lời “Cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi” phù hợp với hoàn cảnh.
49	Trẻ biết cùng chơi với các bạn.	Chơi trò chơi với các bạn, chơi đồ chơi với các bạn theo nhóm nhỏ.
50	Trẻ thực hiện được một số qui định (Cất, xếp đồ chơi, đồ dùng, không tranh giành đồ chơi).	Sắp xếp đồ dùng đồ chơi theo yêu cầu, sau khi học, sau khi chơi, sau giờ ăn, giờ ngủ...
51	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Quan sát tranh, đoạn phim và trò chuyện. - Thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường.
52	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tham gia các hoạt động trong chế độ sinh hoạt hàng ngày. - Trả lời câu hỏi trong các hoạt động.
53	Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Làm sách tranh, khuôn mặt thể hiện các trạng thái cảm xúc. T/chơi, hát...
54	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	Xem tranh, ảnh, băng hình về Bác Hồ.
55	Thích nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Kể truyện theo tranh, nghe hát-nghe nhạc, đọc một số bài thơ và xem ảnh-tranh về Bác Hồ.
56	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	Quan sát cây, hoa, hiện tượng tự nhiên...; chăm sóc cây, hoa, rau...

3.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.

57	Trẻ biết hát theo giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc.	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát theo các chủ đề.
58	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, vận động minh họa).	Vận động đơn giản theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc theo chủ đề.
59	Trẻ vẽ được các nét thẳng, xiên, ngang.	Sử dụng các kỹ năng vẽ/ tô màu tạo ra sản phẩm đơn giản.
60	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành một số sản phẩm đơn giản.	Sử dụng các kỹ năng xé, dán tạo thành sản phẩm đơn giản
61	Trẻ biết sử dụng nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm đơn giản có sự gợi ý.	Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình (đất nặn, các loại giấy, màu nước...). Nguyên liệu thiên nhiên (Lá cây khô, cành cây khô, hạt hạt, sỏi...). Nguyên liệu tái sử dụng (các loại hộp, chai lọ...) để tạo thành sản phẩm theo chủ đề.
62	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	Sử dụng các kỹ năng nặn tạo ra sản phẩm đơn giản theo mẫu, đề tài và theo ý thích.
63	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Sử dụng đồ dùng đồ chơi xếp thành sản phẩm: Ngôi nhà, người, hàng rào, PTGT, vườn cây, vườn rau...
64	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Vận động theo ý thích khi hát và nghe các bài hát, bản nhạc theo chủ đề.
65	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho các sản phẩm tạo hình của mình.

4. Mục tiêu và nội dung giáo dục trẻ nhà trẻ 24-36 tháng tuổi

4.1. Lĩnh vực phát triển thể chất.

TT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1	Cân nặng của trẻ (36 tháng):	- Khẩu phần ăn theo độ tuổi.

	- Trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg. - Trẻ gái: 10,8 – 18,1 kg.	- Chăm sóc sức khỏe. - Tổ chức cân 3 tháng/lần
2	Chiều cao của trẻ (36 tháng): - Trẻ trai: 88,7 - 103,5 cm. - Trẻ gái: 87,4 – 102,7 cm.	- Khẩu phần ăn theo độ tuổi. - Chăm sóc sức khỏe. - Tổ chức cân 3 tháng/lần
3	Trẻ tung - bắt đ- ợc bóng với ng- ời khác ở khoảng cách 1m.	Các vận động cơ bản và phát triển tố chất trong vận động “tung bắt bóng cùng cô” .
4	Trẻ ném đ- ợc vào đích ngang (Xa 1 m - 1,2m).	Các vận động cơ bản và phát triển tố chất trong các vận động: - Ném đích nằm ngang xa 1m. - Ném đích nằm ngang xa 1,1m. - Ném đích nằm ngang xa 1,2m.
5	Trẻ làm đ- ợc một số việc tự phục vụ đơn giản (Tự xúc ăn, uống n- ớc, cài cúc áo...).	Làm quen với một số việc tự phục vụ: - Xúc cơm, uống nước. - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt
6	Trẻ thực hiện đ- ợc các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, l- ng/bụng và chân.	Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
7	Trẻ giữ đ- ợc thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đ- ờng hẹp có bề vật trên tay.	Các vận động cơ bản và phát triển tố chất trong vận động “đi/chạy” .
8	Trẻ phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn, vẽ, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Đóng cọc bàn gỗ, - Nhón, nhặt đồ vật. - Tập khâu dây, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp khối. - Cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.

9	Trẻ thích nghi được với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen trong ăn uống.
10	Trẻ thích nghi với ngủ một giấc buổi trưa.	Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
11	Trẻ biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết, gọi tên một số vật dụng gây nguy hiểm, những nơi nguy hiểm và phòng tránh.
12	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.

4.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

13	Trẻ nói đ-ợc tên một số bộ phận cơ thể, đồ vật, hoa quả và con vật quen thuộc.	- Nhận biết tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Nhận biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ vật, đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Nhận biết tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
14	Trẻ chỉ, lấy, gọi tên đ-ợc đồ vật có màu đỏ, vàng, xanh khi yêu cầu.	- Nhận biết và gọi tên được đồ vật có màu đỏ, vàng, xanh. - Lấy, cất hoặc chỉ màu sắc theo yêu cầu.
15	Trẻ chỉ, lấy, cất đ-ợc đồ vật có kích th-ớc to, nhỏ theo yêu cầu.	- Nhận biết đồ vật, đồ dùng đồ chơi, hoa quả, PTGT...có kích th-ớc to - nhỏ. - Lấy, cất và chỉ đồ chơi có kích th-ớc to - nhỏ theo yêu cầu.
16		- Sờ, nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, đồ dùng, đồ

	Trẻ sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	chơi, hoa, quả để nhận biết đặc điểm. - Ném vị của một số loại thức ăn, các loại quả. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, PTGT, tiếng kêu của một số con vật.
17	Trẻ biết chơi, bắt chước một số hành động quen thuộc của những ng-ời gần gũi, sử dụng đ-ọc một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.	- Chơi một số trò chơi giả bộ và sử dụng đồ dùng đồ chơi: Nấu cho bé ăn, bế em, ru em, tắm cho em, chuẩn bị mâm cơm. - Mô phỏng một số hành động quen thuộc (Lái xe, thổi bóng...).
18	Trẻ nói đ-ọc tên của bản thân và những ng-ời gần gũi khi đ-ọc hỏi.	- Nhận biết tên gọi và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết tên gọi và công việc của những người thân trong gia đình.

4.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.

TT mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
19	Trẻ diễn đạt đ-ọc bằng lời nói các yêu cầu đơn giản.	- Thực hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản: Đi vệ sinh, ăn cơm, uống nước... - Bắt trước mô phỏng tiếng kêu của đồ vật, con vật, đồ chơi, PTGT...
20	Trẻ trả lời được câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “Làm gì”, “ở đâu?”.	- Xem tranh, ảnh, mô hình, vật thật...và trò chuyện. - Chơi với lô tô về các con vật, đồ vật, đồ chơi, hoa, quả, PTGT....
21	Trẻ đọc đ-ọc bài thơ ngắn, hát đ-ọc bài hát ngắn đơn giản.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn theo chủ đề. - Hát các bài hát ngắn theo chủ đề
22	Trẻ thực hiện đ-ọc nhiệm vụ gồm 2-3 hành động (VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi	Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.

	đi rửa tay).	
23	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản. Trả lời đ-ợc các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe kể truyện và đàm thoại theo nội dung câu truyện: Tên truyện, tên nhân vật và hành động của các nhân vật - Bắt chước hành động, tiếng gọi, giọng nói...của một số nhân vật.
24	Trẻ phát âm đ-ợc rõ tiếng.	- Nghe và nhắc lại các từ, các câu kết hợp sử dụng tranh, ảnh, mô hình, bài thơ, trò chơi...để luyện phát âm. - Trò chuyện với cô giáo và các bạn trong nhóm.
25	Trẻ nói đ-ợc câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Nói câu đơn, câu có 5-7 tiếng về tên gọi, đặc điểm về đồ vật, đồ dùng đồ chơi, con vật, hoa, quả...
26	Trẻ nói to, nói đủ nghe, lễ phép	Tập cho trẻ nói to, nói đủ nghe, lễ phép phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

4.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội & thẩm mỹ.

27	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ khi đ-ợc nhắc nhở.	Sử dụng các từ quen thuộc thể hiện sự lễ phép khi nói với người lớn.
28	Trẻ bắt tr-ớc đ-ợc một số hành vi xã hội đơn giản (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại).	Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản thông qua các trò chơi giả bộ.
29	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh, nghe hát, hát và vận động theo nhạc.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, xem tranh. - Tạo hình từ nguyên liệu thiên nhiên, nguyên phế liệu. - Nghe hát, nghe nhạc, giai điệu các bài hát. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
30	Trẻ nói đ-ợc một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
31		- Nhận biết một số trạng thái vui buồn, sợ hãi,

	Trẻ nhận biết đ-ợc trạng thái cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi.	tức giận, ngạc nhiên qua tranh ảnh. - Tô màu, dán các khuôn mặt khác nhau.
32	Trẻ biểu lộ đ-ợc cảm xúc vui buồn, sợ hãi, qua cử chỉ nét mặt.	- Xem tranh ảnh và bắt trước thể hiện các trạng thái cảm xúc. - Soi gương và thể hiện các trạng thái cảm xúc. - Chơi trò chơi biểu lộ cảm xúc.
33	Trẻ biểu lộ đ-ợc sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi: Bắt chiếc tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến con vật nuôi. Gọi con vật. - Bắt chước tiếng kêu hoặc động tác của các con vật. - Bắt chước dáng đi của các con vật.
34	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh bạn khác.	Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
35	Trẻ thực hiện đ-ợc một số yêu cầu của ng-ời lớn.	Thực hiện một số yêu cầu đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Lấy đồ chơi, cất đồ chơi, lấy mũ, lấy dép, xếp hàng, ngồi vào ghế...

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 5-6 TUỔI A

Tuần	Chủ đề giáo dục		Thời gian thực hiện	Ghi chú	
	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh		Hoạt động/Dự án STEAM	Học kỳ
1	Trường mầm non và tết trung thu	Trường mầm non của bé	09/9/2024-13/9/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm đèn lồng trung thu	HỌC KÌ I Kết thúc ngày 17/01/2025
2		Tết trung thu	16/9/2024-20/9/2024		
3		Lớp 5-6 tuổi của chúng ta	23/9/2024-27/9/2024		
4	Bản thân	Tôi là ai.	30/9/2024-4/10/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm khẩu trang	
5		Cơ thể tôi.	7/10/2024-11/10/ 2024		
6		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	14/10/2024-18/10/2024		
7	Gia Đình	Gia đình tôi	21/10/2024-25/10/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm ngôi nhà của bé	
8		Ngôi nhà gia đình ở	28/10/2024-01/11/2024		
9		Đồ dùng gia đình	04/11/2024-08/11/2024		
10		Họ hàng gia đình	11/11/2024-15/11/2024		
11	Nghề nghiệp và kỷ niệm ngày nhà giáo việt nam	Ngày nhà giáo Việt Nam	18/11/2024-22/11/2024	HĐ STEAM (EDP): Thiết kế thiệp tặng cô giáo	
12		Nghề nông	25/11/2024-29/11/2024		
13		Nghề may mặc	02/12/2024-06/12/2024		
14		Nghề dịch vụ	09/12/2024-13/12/2024		
15	Động vật và KN ngày 22/12	Kỷ niệm ngày 22/12	16/12/2024-20/12/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm đàn cá	
16		Động vật nuôi trong gia đình	23/12/2024-27/12/2024		
17		Động vật sống dưới nước	30/12/2024-03/01/2025		

18		Động vật sống trong rừng	06/1/2025-10/01/2025		
		Ôn tập kết thúc học kì I	13/01/2025-17/01/2025		
19	Thực vật	Tết và Mùa xuân	20/01/2025-24/01/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm hoa mùa xuân	HỌC KÌ II Từ ngày 20/01/2025 đến 23/05/2025
20		Một số loài hoa	3/2- 7/2/ 2025		
21		Một số loại quả	10/02/2025-14/02/2025		
22		Một số loại rau	17/02/2025-21/02/2025		
23	Giao thông và kỷ niệm ngày 8/3	Một số PTGT đường bộ.	24/02/2025-28/02/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm ô tô tải	Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến ngày 31/01/2025
24		Kỷ niệm 8/3	03/03/2025-07/03/2025		
25		Một số PTGT đường hàng và đường thủy	10/03/2025-14/03/2025		
26		Luật giao thông	17/03/2025-21/03/2025		
27	Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	24/03/2025-28/03/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm máy lọc nước	
28		Nước	31/03/2025-04/04/2025		
29		Mùa hè	07/04/2025-11/04/2025		
30		Hiện tượng tự nhiên	14/04/2025-18/04/2025		
31	Quê hương – Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	21/04/2025-25/04/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm khung ảnh Bác Hồ	
32		Quê hương yêu dấu	28/04/2025-02/05/2025		
33		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	05/05/2025-09/05/2025		
34	Trường tiểu học	Trường tiểu học	12/05/2025-16/05/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm những chiếc hộp đựng bút	
35		Bé chuẩn bị vào lớp 1.	19/05/2025-23/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 5 - 6 TUỔI B

Tuần	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Ghi chú	
				Hoạt động/Dự án STEAM	Học kỳ
1	Trường mầm non và tết trung thu	Trường mầm non	09/9/2024-13/9/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm đèn lồng trung thu	HỌC KÌ I
2		Tết trung thu của bé	16/9/2024-20/9/2024		
3		Lớp 5 – 6 tuổi của chúng ta	23/9/2024-27/9/2024		
4	Bản thân	Tôi là ai.	30/09/2024-4/10/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm khẩu trang giấy	Kết thúc ngày 17/01/2025
5		Cơ thể tôi.	7/10/2024-11/10/2024		
6		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	14/10/2024-18/10/2024		
7	Gia Đình	Gia đình tôi	21/10/2024-25/10/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm ngôi nhà của bé	
8		Ngôi nhà gia đình ở	28/10/2024-01/11/2024		
9		Đồ dùng gia đình	04/11/2024-08/11/2024		
10		Họ hàng gia đình	11/11/2024-15/11/2024		
11	Nghề nghiệp và KN ngày NGVN 20/11	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	18/11/2024-22/11/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm thiệp tặng cô giáo	
12		Nghề nông	25/11/2024-29/11/2024		
13		Nghề may mặc	02/12/2024-06/12/2024		
14		Nghề dịch vụ	09/12/2024-13/12/2024		
15	Động vật và KN ngày 22/12	Kỷ niệm ngày 22/12	16/12/2024-20/12/2024	HĐ STEAM (EDP): Làm đàn cá	
16		Động vật nuôi trong gia đình	23/12/2024-27/12/2025		
17		Động vật sống dưới nước	30/12/2024-03/01/2025		

18		Động vật sống trong rừng	06/01/2025-10/01/2025		
		Ôn tập cuối học kì I	13/01/2025-17/01/2025		
19	Thực vật	Tết và Mùa xuân	20/01/2025-24/1/2025	HĐ STEAM (5E): Khám phá hoa mùa xuân	HỌC KÌ II Bắt đầu từ ngày 20/01/2025 đến 23/05/2025
20		Một số loài hoa	03/02/2025-7/2/2025		
21		Một số loại quả	10/02/2025-14/02/2025		
22		Một số loại rau	17/02/2025-21/02/2025		
23	Giao thông và kỷ niệm ngày 8/3	Một số PTGT đường bộ.	24/02/2025-28/02/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm ô tô tải	Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến ngày 31/01/2025
24		Kỷ niệm 8/3	03/03/2025-07/03/2025		
25		Một số PTGT đường hàng không và đường thủy	10/03/2025-14/03/2025		
26		Luật giao thông	17/03/2025-21/03/2025		
27	Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	24/03/2025-28/03/2025	HĐ STEAM (5E): Khám phá về gió	
28		Nước	31/03/2025-04/04/2025		
29		Mùa hè	07/04/2025-11/04/2025		
30		Hiện tượng tự nhiên	14/04/2025-18/04/2025		
31	QH Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	21/04/2025-25/04/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm khung ảnh Bác Hồ	
32		Quê hương yêu dấu	28/04/2025-02/05/2025		
33		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	05/05/2025-09/05/2025		
34	Trường Tiểu học	Trường tiểu học	12/05/2025-16/0/2025	HĐ STEAM (EDP): Làm ống đựng bút	
35		Bé chuẩn bị vào lớp 1	19/05/2025-23/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIA THỰC HIỆN
LỚP 5-6 TUỔI C

Tuần	Chủ đề giáo dục		Thời gian	Ghi chú	
	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh		Hoạt động/ Dự án GD STEAM	Học kì
1	Trường mầm non	Ngày hội đến trường của bé	09/09/2024-13/09/2024	Hoạt động EDP Làm đèn lồng	HỌC KÌ I Kết thúc ngày 17/01/2025
2		Trường mầm non và Tết trung thu của bé	16/09/2024-20/09/2024		
3		Lớp 5-6 tuổi của chúng ta	23/09/2024-27/09/2024		
4	Bản thân	Tôi là ai.	30/09/2024-04/10/2024	Hoạt động (5E) Khám phá bàn tay của bé	
5		Cơ thể tôi.	07/10/2024-11/10/2024		
6		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	14/10/2024-18/10/2024		
7	Gia đình	Gia đình tôi	21/10/2024-25/10/2024	Hoạt động (EDP) Làm ngôi nhà của bé	
8		Ngôi nhà bé ở	28/10/2024-01/11/2024		
9		Họ hàng của bé	04/11/2024-08/11/2024		
10		Một số đồ dùng gia đình	11/11/2024-15/11/2024		
11	Nghề nghiệp	Ngày nhà giáo Việt Nam	18/11/2024-22/11/2024	Hoạt động EDP Làm khẩu trang	
12		Nghề nông	25/11/2024-29/11/2024		
13		Nghề may mặc	02/12/2024-06/12/2024		
14		Nghề dịch vụ	09/12/2024-13/12/2024		
15	Động vật và KN ngày 22/12	Kỷ niệm ngày 22/12	16/12/2024-20/12/2024	Hoạt động 5E Khám phá “Con thỏ”	
16		Động vật nuôi trong gia đình	23/12/2024-27/12/2024		
17		Động vật sống trong rừng	30/12/2024-03/01/2025		

18		Động vật sống dưới nước	06/01/2025-10/01/2025		
		Ôn tập kết thúc học kì I	13/01/2025-17/01/2025		
19	Thực vật	Tết và Mùa xuân	20/01-2025 24/01/2025	Hoạt động EDP Làm hoa ngày Tết	HỌC KÌ II Bắt đầu từ ngày 20/01/2025 đến 23/05/2025
20		Một số loài hoa	3/2/2025-7/2/2025		
21		Một số loại quả	10/02/2025-14/02/2025		
22		Một số loại rau	17/02/2025-21/02/2025		
23	Giao thông và kỷ niệm ngày 8/3	Một số PTGT đường bộ.	24/02/2025-28/02/2025	Hoạt động EDP Làm cái thuyền	Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến ngày 31/01/2025
24		Kỷ niệm 8/3	03/03/2025-07/03/2025		
25		Một số PTGT đường hàng và đường thủy	10/03/2025-14/03/2025		
26		Luật giao thông	17/03/2025-21/03/2025		
27	Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	24/03/2025-28/03/2025	Hoạt động EDP Làm máy lọc nước mini	
28		Nước	31/03/2025-04/04/2025		
29		Mùa hè	07/04/2025-11/04/2025		
30		Hiện tượng tự nhiên	14/04/2025-18/04/2025		
31	QH –Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	21/04/2025-25/04/2025	Hoạt động EDP Làm khung ảnh bác	
32		Quê hương yêu dấu	28/04/2025-02/05/2025		
33		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	05/05/2025-09/05/2025		
34	Trường Tiểu học	Trường tiểu học	12/05/2025-16/0/2025	Hoạt động EDP Làm hộp bút	
35		Bé chuẩn bị vào lớp 1	19/05/2025-23/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 4-5 TUỔI A

Tuần	Chủ đề giáo dục		Thời gian	Ghi chú	
	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh		Hoạt động/ Dự án GD STEAM	Học kì
1	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	09/09/2024 - 13/09/2024	Dự án: Làm xích đu đồ chơi.	Học kì I
2		Bé vui tết trung thu	16/09/2024- 20/09/2024		
3		Lớp mẫu giáo của bé	23/09/2024- 27/09/2024		
4	Bản thân	Tôi là ai.	30/09/2024- 04/10/2024	Hoạt động (EDP) Làm khẩu trang giấy	
5		Cơ thể tôi.	07/10/2024- 11/10/2024		
6		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	14/10/2024- 18/10/2024		
7	Gia đình	Gia đình tôi	21/10/2024- 25/10/2024	Hoạt động (EDP) : Chế tạo đèn ngủ mini.	
8		Ngôi nhà bé ở	28/10/2024- 01/11/2024		
9		Một số đồ dùng gia đình	04/11/2024- 08/11/2024		
10		Họ hàng của bé	11/11/2024- 15/11/2024		
11	Nghề nghiệp	Nghề giáo viên (Ngày nhà giáo Việt Nam)	18/11/2024- 22/11/2024	Hoạt động: (EDP) Làm ngôi nhà của bé	
12		Nghề sản xuất (Nghề nông)	25/11/2024- 29/11/2024		
13		Nghề sản xuất (Nghề may)	02/12/2024- 06/12/2024		
14		Một số nghề dịch vụ	09/12/2024- 13/12/2024		
15	Động vật và KN ngày 22/12	Kỷ niệm ngày 22/12	16/12/2024- 20/12/2024	Hoạt động (EDP):Làm tổ chim.	
16		Động vật nuôi trong gia đình	23/12/2024- 27/12/2024		
17		Động vật sống trong rừng	30/12/2024- 03/01/2025		
18		Động vật sống dưới nước	06/01/2025- 10/01/2025		
		Ôn tập kết thúc học kì I	13/01/2025- 17/01/2025		

19	Tết và mùa xuân	Tết cổ truyền	20/01/2025-24/01/2025	Hoạt động (EDP): Làm bông hoa mùa xuân	Học kì II
20		Mùa xuân	03/02/2025-07/02/2025		
21		Một số loài hoa	10/02/2025-14/02/2025		
22	Thực vật và kỉ niệm 8/3	Một số cây xanh	17/02/2025-21/02/2025	Hoạt động (EDP): Làm thiệp tặng bà, tặng mẹ	
23		Một số loại quả	24/02/2025-28/02/2025		
24		Kỷ niệm ngày 8/3	03/03/2025-07/03/2025		
25		Một số loại rau	10/03/2025-14/03/2025		
26	PTGT	Một số PTGT đường bộ	17/03/2025-21/03/2025	Hoạt động (EDP): Làm ô tô tương lai	
27		Một số PTGT đường thủy	24/03/2025-28/03/2025		
28		Luật giao thông	31/03/2025-04/04/2025		
29	Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	07/04/2025-11/04/2025	Hoạt động (EDP): Chế tạo máy lọc nước mini	
30		Một số hiện tượng thời tiết	14/04/2025-18/04/2025		
31		Nước	21/04/2025-25/04/2025		
32		Mùa hè	28/04/2025-02/05/2025		
33	Quê Hương – Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	05/05/2025-09/05/2025	Hoạt động (EDP): Làm khung ảnh Bác Hồ.	
34		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	12/05/2025-16/05/2025		
35		Quê hương yêu quý	19/05/2025-23/05/2025		
		Ôn tập kết thúc năm học	26/05/2025-30/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 4-5 TUỔI B

Tuần	Chủ đề giáo dục		Thời gian	Ghi chú	
	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh		Hoạt động/ Dự án GD STEAM	Học kì
1	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	09/09/2024 - 13/09/2024	Dự án: Làm xích đu đồ chơi	HỌC KÌ I Kết thúc ngày 17/01/2025
2		Bé vui tết trung thu	16/09/2024 - 20/09/2024		
3		Lớp mẫu giáo của bé	23/09/2024 - 27/09/2024		
4	Bản thân	Tôi là ai.	30/09/2024 - 04/10/2024	Hoạt động (5E): Khám phá mùi hương khác nhau	
5		Cơ thể tôi.	07/10/2024 - 11/10/2024		
6		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	14/10/2024 - 18/10/2024		
7	Gia đình	Gia đình tôi	21/10/2024 - 25/10/2024	Hoạt động (EDP): Thiết kế thiệp tặng mẹ	
8		Ngôi nhà bé ở	28/10/2024 - 01/11/2024		
9		Một số đồ dùng gia đình	04/11/2024 - 08/11/2024		
10		Họ hàng của bé	11/11/2024 - 15/11/2024		
11	Nghề nghiệp	Nghề giáo viên (Ngày nhà giáo Việt Nam)	18/11/2024 - 22/11/2024	Hoạt động (EDP): Chế tạo ngôi nhà	
12		Nghề sản xuất (Nghề nông)	25/11/2024- 29/11/2024		
13		Nghề sản xuất (Nghề may)	02/12/2024 - 06/12/2024		
14		Một số nghề dịch vụ	09/12/2024 - 13/12/2024		
15	Động vật và KN ngày	Kỷ niệm ngày 22/12	16/12/2024 - 20/12/2024	Hoạt động (5E):	
16		Động vật nuôi trong gia đình	23/12/2024 - 27/12/2024		

17	22/12	Động vật sống trong rừng	30/12/2024 - 03/01/2025	Khám phá quả trứng	
18		Động vật sống dưới nước	06/01/2025 - 10/01/2025		
		Ôn tập kết thúc học kì I	13/01/2025 - 17/01/2025		
19	Tết và mùa xuân	Tết cổ truyền	20/01/2025 - 24/01/2025	Hoạt động (5E): Khám phá sự phát triển của hạt	HỌC KÌ II Từ ngày 20/01/2025 đến 23/05/2025
20		Mùa xuân	03/02/2025 - 07/02/2025		
21		Một số loài hoa	10/02/2025 - 14/02/2025		
22	Thực vật và kỉ niệm 8/3	Một số cây xanh	17/02/2025 - 21/02/2025	Hoạt động (EDP): Chế tạo pháo hoa giấy	Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến ngày 31/01/2025
23		Một số loại quả	24/02/2025 - 28/02/2025		
24		Kỷ niệm ngày 8/3	03/03/2025 - 07/03/2025		
25		Một số loại rau	10/03/2025 - 14/03/2025		
26	PTGT	Một số PTGT đường bộ	17/03/2025 - 21/03/2025	Hoạt động (EDP): Thiết kế cột đèn giao thông	
27		Một số PTGT đường thủy	24/03/2025 - 28/03/2025		
28		Luật giao thông	31/03/2025 - 04/04/2025		
29	Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	07/04/2025 - 11/04/2025	Hoạt động (EDP): Chế tạo máy lọc nước mini	
30		Một số hiện tượng thời tiết	14/04/2025 - 18/04/2025		
31		Nước	21/04/2025 - 25/04/2025		
32		Mùa hè	28/04/2025 - 02/05/2025		
33	Quê Hương – Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	05/05/2025 - 09/05/2025	Hoạt động (EDP): Làm khung ảnh	
34		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	12/05/2025 - 16/05/2025		
35		Quê hương yêu quý	19/05/2025 - 23/05/2025		
		Kết thúc năm học	26/05/2025 - 30/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 4-5 TUỔI C

Tuần	Chủ đề giáo dục		Thời gian	Ghi chú	
	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh		Hoạt động/ Dự án GD STEAM	Học kì
1	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	09/09/2024 - 13/09/2024	Hoạt động (5E): Khám phá đèn lồng	HỌC KÌ I Kết thúc ngày 17/01/2025
2		Bé vui tết trung thu	16/09/2024 - 20/09/2024		
3		Lớp mẫu giáo của bé	23/09/2024 - 27/09/2024		
4	Bản thân	Tôi là ai.	30/09/2024 - 04/10/2024	Hoạt động (5E): Khám phá bàn tay của bé	
5		Cơ thể tôi.	07/10/2024 - 11/ 10/2024		
6		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	14/10/2024- 18/10/2024		
7	Gia đình	Gia đình tôi	21/10/2024 - 25/10/2024	Hoạt động (EDP): Làm ngôi nhà của bé	
8		Ngôi nhà bé ở	28/10/2024- 01/11/2024		
9		Một số đồ dùng gia đình	04/11/2024- 08/11/2024		
10		Họ hàng của bé	11/11/2024 - 15/11/2024		
11	Nghề nghiệp	Nghề giáo viên (Ngày nhà giáo Việt Nam)	18/11/2024- 22/11/2024	Hoạt động (5E): Khám phá khẩu trang	
12		Nghề sản xuất (Nghề nông)	25/11/2024- 29/11/2024		
13		Nghề sản xuất (Nghề may)	02/12/2024- 06/12/2024		
14		Một số nghề dịch vụ	09/12/2024- 13/12/2024		
15	Động vật và KN ngày 22/12	Kỷ niệm ngày 22/12	16/12/2024- 20/12/2024	Hoạt động (5E): Khám phá con thỏ.	
16		Động vật nuôi trong gia đình	23/12/2024- 27/12/2024		
17		Động vật sống trong rừng	30/12/2024- 03/01/2025		
18		Động vật sống	06/01/2025-		

		dưới nước	10/01/2025		
		Ôn tập kết thúc học kì I	13/01/2025-17/01/2025		
19	Tết và mùa xuân	Tết cổ truyền	20/01/2025-24/01/2025	Hoạt động (5E): Khám phá hoa mùa xuân	HỌC KÌ II Từ ngày 20/01/2025 đến 23/05/2025
20		Mùa xuân	03/02/2025-07/02/2025		
21		Một số loài hoa	10/02/2025-14/02/2025		
22	Thực vật và kỉ niệm 8/3	Một số cây xanh	17/02/2025-21/02/2025	Hoạt động (5E): Khám phá quả cam	Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025 đến ngày 31/01/2025
23		Một số loại quả	24/02/2025-28/02/2025		
24		Kỷ niệm ngày 8/3	03/03/2025-07/03/2025		
25		Một số loại rau	10/03/2025-14/03/2025		
26	PTGT	Một số PTGT đường bộ	17/03/2025-21/03/2025	Hoạt động (5E): Khám phá ô tô tương lai	
27		Một số PTGT đường thủy	24/03/2025-28/03/2025		
28		Luật giao thông	31/03/2025-04/04/2025		
29	Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	07/04/2025-11/04/2025	Hoạt động (5E): Khám phá về gió	
30		Một số hiện tượng thời tiết	14/04/2025-18/04/2025		
31		Nước	21/04/2025-25/04/2025		
32		Mùa hè	28/04/2025-02/05/2025		
33	Quê Hương – Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	05/05/2025-09/05/2025	Hoạt động Làm lá cờ tổ quốc (EDP)	
34		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	12/05/2025-16/05/2025		
35		Quê hương yêu quý	19/05/2025-23/05/2025		
		Ôn tập kết thúc năm học	26/05/2025-30/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 3-4 TUỔI A

Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Hoạt động Dự án STEAM	Ghi chú
Trường Mầm Non	Trường mầm non của bé	1	09/9/2024 - 13/9/2024	Dự án: Làm kính vạn hoa	HỌC KÌ I Kết thúc ngày 17/01/2025
	Lớp mẫu giáo của bé	2	16/9/2024 - 20/9/2024		
	Tết trung thu	3	23/9/2024- 27/9/2024		
Bản thân	Tôi là ai.	4	30/9/2024- 04/10/2024	Dự án: Làm kính mắt	
	Cơ thể tôi.	5	07/10/2024- 11/10/2024		
	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	6	14/10/2024- 18/10/2024		
	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	7	21/10/2024- 25/10/2024		
Gia đình	Gia đình tôi	8	28/10/2024- 01/11/2024	Hoạt động STEAM (EDP): Làm cây gia đình	
	Ngôi nhà gia đình ở	9	04/11/2024- 08/11/2024		
	Nhu cầu gia đình	10	11/11/2024- 15/11/2024		
Nghề nghiệp	Ngày nhà giáo Việt Nam	11	18/11/2024- 22/11/2024	Hoạt động STEAM (EDP): Chế tạo rôbốt hỗ trợ bác sĩ	
	Nghề sản xuất (Nghề nông)	12	25/11/2024- 29/11/2024		
	Nghề sản xuất (Nghề may)	13	02/12/2024- 06/12/2024		
	Nghề dịch vụ	14	09/12/2024- 13/12/2024		
Động vật và KN ngày 22/12	Kỷ niệm ngày 22/12	15	16/12/2024- 20/12/2024	Dự án: Làm chuồng /tổ chim	
	Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12/2024- 27/12/2024		
	Động vật sống trong rừng	17	30/12/2024- 03/01/2025		
	Động vật sống dưới nước	18	06/01/2025- 10/01/2025		
	Ôn kết thúc học kỳ I		13/01/2025- 17/01/2025		

Tết mùa xuân	Tết cổ truyền	19	20/01/2025-24/01/2025	Hoạt động STEAM (EDP): Làm bao lì xì	HỌC KÌ II Nghỉ tết từ 27/01/2025 đến 31/01/2025
	Mùa xuân	20	03/02/2025-07/02/2025		
	Một số loại hoa	21	10/02/2025-14/02/2025		
Thực vật	Cây xanh	22	17/02/2025-21/02/2025	Hoạt động STEAM (5E): Khám phá củ lạc	
	Một số loại quả	23	24/2/2025-28/2/2025		
	Kỷ niệm ngày 8/3	24	03/3/2024-07/03/2025		
	Một số loại rau	25	10/03/2025-14/03/2025		
Giao thông	Một số PTGT đường bộ	26	17/03/2025-21/03/2025	Hoạt động STEAM (EDP): Làm ô tô	
	Một số PTGT đường thủy	27	24/03/2025-28/03/2025		
	Một số PTGT đường hàng không	28	31/4/2025-04/04/2025		
	Luật giao thông	29	07/4/2025-11/04/2025		
Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	30	14/4/2025-18/04/2025	Hoạt động STEAM (5E): Khám phá về giấy	
	Nước	31	21/4/2025-25/04/2025		
	Mùa hè	32	28/4/2025-02/05/2025		
Quê Hương - Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	33	05/5/2025-09/05/2025	Hoạt động STEAM (EDP): Làm khung ảnh Bác Hồ.	
	Quê hương yêu quý	34	12/5/2025-16/05/2025		
	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	35	19/5/2025-23/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 3-4 TUỔI B**

Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Hoạt động Dự án STEAM	Ghi chú
Trường mầm non	Trường mầm non của bé	1	09/9/2024 - 13/9/2024	Dự án: Làm kính vạn hoa	HỌC KÌ I Kết thúc ngày 17/01/2025
	Lớp mẫu giáo của bé	2	16/9/2024 - 20/9/2024		
	Tết trung thu	3	23/9/2024- 27/9/2024		
Bản thân	Tôi là ai.	4	30/9/2024- 04/10/2024	Dự án: Làm kính mắt”	
	Cơ thể tôi.	5	07/10/2024- 11/10/2024		
	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	6	14/10/2024- 18/10/2024		
	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	7	21/10/2024- 25/10/2024		
Gia đình	Gia đình tôi	8	28/10/2024- 01/11/2024	Hoạt động (EDP): Làm cây gia đình	
	Ngôi nhà gia đình ở	9	04/11/2024- 08/11/2024		
	Nhu cầu gia đình	10	11/11/2024- 15/11/2024		
Nghề nghiệp	Ngày nhà giáo Việt Nam	11	18/11/2024- 22/11/2024	Dự án: Làm cái cốc	
	Nghề sản xuất (Nghề nông)	12	25/11/2024- 29/11/2024		
	Nghề sản xuất (Nghề may)	13	02/12/2024- 06/12/2024		
	Nghề dịch vụ	14	09/12/2024- 13/12/2024		
Động vật và KN ngày 22/12	Kỷ niệm ngày 22/12	15	16/12/2024- 20/12/2024	Hoạt động (5E): Khám phá con cua	
	Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12/2024- 27/12/2024		
	Động vật sống trong rừng	17	30/12/2024- 03/01/2025		
	Động vật sống dưới nước	18	06/01/2025- 10/01/2025		
	Ôn kết thúc học kỳ I		13/01/2025- 17/01/2025		
Tết mùa xuân	Tết cổ truyền	19	20/01/2025- 24/01/2025	Hoạt động (EDP):	HỌC KÌ II

	Mùa xuân	20	03/02/2025-07/02/2025	Làm bông hoa mùa xuân	Nghỉ tết từ 27/01-31/01/2025
	Một số loại hoa	21	10/02/2025-14/02/2025		
Thực vật	Cây xanh	22	17/02/2025-21/02/2025	Hoạt động (5E): Khám phá quả cam	
	Một số loại quả	23	24/2/2025-28/2/2025		
	Kỷ niệm ngày 8/3	24	03/3/2024-07/03/2025		
	Một số loại rau	25	10/03/2025-14/03/2025		
Giao thông	Một số PTGT đường bộ	26	17/03/2025-21/03/2025	Hoạt động (5E): Khám phá ô tô	
	Một số PTGT đường thủy	27	24/03/2025-28/03/2025		
	Một số PTGT đường hàng không	28	31/4/2025-04/04/2025		
	Luật giao thông	29	07/4/2025-11/04/2025		
Nước – Hiện tượng tự nhiên	Các mùa trong năm	30	14/4/2025-18/04/2025	Hoạt động (5E): Khám phá về giấy	
	Nước	31	21/4/2025-25/04/2025		
	Mùa hè	32	28/4/2025-02/05/2025		
Quê Hương - Đất nước – Bác Hồ	Đất nước diệu kỳ	33	05/5/2025-09/05/2025	Hoạt động (EDP): Làm khung ảnh Bác Hồ	
	Quê hương yêu quý	34	12/5/2025-16/05/2025		
	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	35	19/5/2025-23/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 3 - 4 TUỔI C

Tuần	Chủ đề giáo dục		Thời gian	Ghi chú	
	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh		Hoạt động/Dự án GD STEAM	Học kỳ
1	Trường mầm non (3 tuần)	Trường mầm non của bé	09/09/2024 - 13/09/2024	HĐ STEAM 5E: “Khám phá đèn lồng”	Học kỳ I
2		Tết trung thu	16/09/2024 - 20/09/2024		
3		Lớp học của bé	23/09/2024 - 27/09/2024		
4	Bản thân (4 tuần)	Tôi là ai	30/09/2024 - 04/10/2024	HĐ STEAM5E: “Khám phá chiếc phao bơi của bạn Cam”	
5		Cơ thể tôi	07/10/2024 - 11/10/2024		
6+7		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	14/10/2024 - 25/10/2024		
8	Gia đình (3 tuần)	Gia đình tôi	28/10/2024 - 01/11/2024	HĐ STEAMEDP: “Làm khung ảnh gia đình để bàn”	
9		Ngôi nhà gia đình ở	04/11/2024 - 08/11/2024		
10		Nhu cầu gia đình	11/11/2024 - 15/11/2024		
11	Nghề nghiệp và kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam (4 tuần)	Ngày nhà giáo Việt Nam	18/11/2024 - 22/11/2024	HĐ STEAM 5E: “Khám phá pha màu mới từ 2 màu”	
12		Nghề sản xuất (Nghề nông)	25/11/2024 - 29/11/2024		
13		Nghề sản xuất (Nghề may)	02/12/2024 - 06/12/2024		
14		Nghề dịch vụ	09/12/2024 - 13/12/2024		
15	Động vật và kỷ niệm ngày quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 (4 tuần)	Kỷ niệm ngày 22/12	16/12/2024 - 20/12/2024	HĐ STEAM 5E: “Khám phá con thỏ”	
16		Động vật nuôi trong gia đình	23/12/2024 - 27/12/2024		
17		Động vật sống dưới nước	30/12/2024 - 03/01/2025		
18		Động vật sống trong rừng	06/01/2025- 10/01/2025		
Ôn tập học kỳ I từ ngày 13/01 – 17/01/2025					

19	Tết và mùa xuân (3 tuần)	Tết cổ truyền	20/01/2025- 24/01/2025	HĐ STEAM EDP: “Làm bông hoa”	Học kỳ II Từ ngày 20/01- 23/05/2025
20		Mùa xuân	03/02/2025 - 07/02/2025		
21		Một số loài hoa	10/02/2025 - 14/02/2025		
22	Thực vật và kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 (4 tuần)	Cây xanh	17/02/2025 - 21/02/2025	HĐ STEAM 5E: “Khám phá bắp ngô”	
23		Một số	24/02/2025 - 28/02/2025		
24		Kỷ niệm 8/3	03/03/2025 - 07/03/2025		
25		Một số loại rau, củ	10/03/2025 - 14/03/2025		
26	Giao thông (4 tuần)	Một số PTGT đường bộ	17/03/2025 - 21/03/2025	HĐ STEAM EDP: “Làm ô tô”	
27		Một số PTGT đường thủy	24/03/2025 - 28/03/2025		
28		Một số PTGT đường hàng không	31/03/2025 - 04/04/2025		
29		Luật giao thông	07/04/2025 - 11/04/2025		
30	Nước và hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	Các mùa trong năm	14/04/2025 - 18/04/2025	HĐ STEAM 5E: “Khám phá lốc xoáy mini”	
31		Nước	21/04/2025 - 25/04/2025		
32		Mùa hè	28/04/2025 - 02/05/2025		
33	Quê hương – Đất nước – Bác Hồ (3 tuần)	Đất nước kỳ diệu	05/05/2025 - 09/05/2025	HĐ STEAM EDP: “Làm khung ảnh Bác Hồ”	
34		Quê hương yêu quý	12/05/2025 - 16/05/2025		
35		Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	19/05/2025 - 23/05/2024		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/05/2025)

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 24-36 THÁNG A**

Tên chủ đề chính	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện	Hoạt động Dự án STEAM	Ghi chú.
Bé và các bạn	Bé biết nhiều thứ	1	09/09/2024 - 13/09/2024	Hoạt động 5E: Cảm xúc vui buồn	Học kì I Từ ngày 13/01/2025 đến ngày 17/01/2025 ôn tập và kết thúc học kỳ I
	Bé và các bạn cùng chơi	2	16/09/2024 - 20/09/2024		
	Bé và các bạn cùng chơi	3	23/09/2024 - 27/09/2024		
Đồ chơi của bé	Những đồ chơi quen thuộc gần gũi	4	30/09/2024 - 04/10/2024	Hoạt động 5E: Ô tô tải	
	Những đồ chơi bé thích	5	07/10/2024 - 11/ 10/2024		
	Đồ chơi lắp ráp - xây dựng	6	14/10/2024 - 18/10/2024		
	Những đồ chơi chuyển động được.	7	21/10/2024 - 25/10/2024		
Các cô các bác trong nhà trẻ	Các cô các bác trong nhóm trẻ của bé	8	28/10/2024 - 01/11/2024		
	Công việc của các cô, bác trong nhóm lớp	9	4/11/2024 - 08/11/2024		
Cây và những bông hoa đẹp	Các loại quả bé thích	10	11/11/2024 - 15/ 11/ 2024	Hoạt động 5E: Quả cam	
	Hoa trong vườn	11	18/11/2024 - 22/11/2024		
	Em yêu cây xanh	12	25/11/2024 - 29/11/2024		
	Một số loại rau, củ	13	02/12/2024 - 06/12/2024		
Những con vật đáng yêu	Những con vật nuôi trong gia đình	14 + 15	09/12/2024 - 13/12/2024 16/12/2024 - 20/12/2024	Hoạt động 5E: Con cá	
	Những con vật sống trong rừng	16	23/12/2024 - 27/12/2024		
	Những con vật sống dưới nước	17	30/12/2024 - 03/01/2025		
	Các loại bánh kẹo trong ngày tết	18	6/1/2025 - 10/1/2025		
	Ngày tết với bé	19	20/01/2025 –	Hoạt động 5E:	

Tết và mùa xuân			24/01/2025	Bánh chưng	Kết thúc học kỳ II 23/5/2025
	Một số loài hoa	20	03/02/2025 - 07/2/2025		
	Mùa xuân với bé	21	10/02/2025 - 14/2/2025		
Mẹ và những người thân yêu của bé	Mẹ của bé	22	17/2/2025 - 21/2/2025	Hoạt động 5E: Ngôi nhà của bé	
	Người thân của bé	23	24/02/2025 - 28/2/2025		
	Đồ dùng trong gia đình bé	24	03/03/2025 - 07/3/2025		
	Đồ chơi gia đình	25	10/03/2025 - 14/3/2025		
Phương tiện giao thông	Một số PTGT đường bộ	26	17/03/2025 - 21/03/2025	Hoạt động 5E: Cột đèn giao thông	
		27	24/03/2025 - 28/03/2025		
	Một số PTGT đường thủy	28	31/03/2025 - 04/04/2025		
	PT giao thông đường hàng không	29	7/04/2025 - 11/4/2025		
Mùa hè của bé	Thời tiết mùa hè	30	14/04/2025 - 18/4/2025	Hoạt động 5E: Phao bơi	
	Trang phục mùa hè	31	21/04/2025 - 25/4/2025		
	Bé làm được gì trong mùa hè	32	28/04/2025 - 02/5/2025		
Bé lên lớp mẫu giáo	Lớp học của bé	33	05/05/2025 - 09/5/2025	Hoạt động EDP: Làm cái bàn	
	Các khu vực chơi của bé trong nhóm lớp	34	12/05/2025 - 16/5/2025		
	Đồ dùng đồ chơi trong lớp	35	19/5/2025 - 23/5/2024		

Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/5/2025

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
LỚP 24-36 THÁNG B

Tuần	Chủ đề giáo dục		Thời gian	Ghi chú	
	Tên chủ đề chính	Tên chủ đề nhánh		Hoạt động/ Dự án GD STEAM	Học kì
1	Bé và các bạn	Bé biết nhiều thứ	09/09/2024 - 13/09/2024	Hoạt động (5E): Các phân trên cơ thể	Học kì I Kết thúc ngày 17/01/2025
2		Các bạn của bé	16/09/2024 - 20/09/2024		
3		Bé và các bạn cùng chơi	23/09/2024 - 27/09/2024		
4	Đồ chơi của bé	Những đồ chơi quen thuộc gần gũi	30/09/2024 - 04/10/2024	Hoạt động (5E): Ô tô tài	
5		Những đồ chơi bé thích	07/10/2024 - 11/ 10/2024		
6		Đồ chơi lắp ráp - xây dựng	14/10/2024 – 18/10/2024		
7		Những đồ chơi chuyển động được	21/10/2024 – 25/10/2024		
8	Các cô các bác trong nhà trẻ	Các cô, bác trong nhóm trẻ của bé	28/10/2024 – 01/11/2024		
9		Công việc của các cô, bác trong nhóm lớp	04/11/2024 – 08/11/2024		
10	Cây và những bông hoa đẹp	Các loại quả bé thích	11/11/2024 – 15/11/2024	Hoạt động (5E): Quả cam	
11		Hoa trong vườn	18/11/2024 – 22/11/2024		
12		Em yêu cây xanh	25/11/2024 – 29/11/2024		
13		Một số loại rau, củ	02/12/2024- 06/12/2024		
14	Những con vật đáng yêu	Những con vật nuôi trong gia đình	09/12/2024- 13/12/2024	Hoạt động (5E): Con cá vàng	
15		Những con vật nuôi trong gia đình	16/12/2024 – 20/12/2024		
16		Những con vật sống trong rừng	23/12/2024 – 27/12/2024		
17		Những con vật sống dưới nước	30/12/2024 – 03/01/2025		

18	Tết mùa xuân	Các loại hoa	06/01/2025 – 10/01/2025	Hoạt động (5E): Bánh chung	Học kì II Nghỉ tết từ 27/01/2025 đến 31/01/2025
19		Ngày tết với bé	20/01/2025 – 24/01/2025		
20		Các loại bánh kẹo trong ngày tết	03/02/2025- 7/2/2025		
21		Mùa xuân với bé	10/02/2025 – 14/02/2025		
22	Mẹ và những người thân yêu của bé	Mẹ của bé	17/02/2025 – 21/02/2025	Hoạt động (5E): Thiệp tặng mẹ	
23		Người thân của bé	24/02/2025 – 28/02/2025		
24		Đồ dùng trong gia đình bé	03/03/2025 – 07/03/2025		
25		Đồ chơi gia đình	10/03/2025 – 14/03/2025		
26	Phương tiện giao thông	PTGT đường bộ	17/03/2025 – 21/03/2025	Hoạt động (5E): Cột đèn giao thông	
27		PTGT đường bộ	24/03/2025 – 28/03/2025		
28		PTGT đường thủy	31/03/2025 – 04/04/2025		
29		PTGT đường hàng không	07/4/2025 – 11/4/2025		
30	Mùa hè với bé	Thời tiết mùa hè	14/4/2025 – 18/4/2025	Hoạt động (5E): Cái ô của bé	
31		Trang phục mùa hè	21/4 – 25/4/2025		
32		Bé được làm gì trong mùa hè	28/4 – 02/5/2025		
33	Bé lên mẫu giáo	Lớp học của bé	05/05 – 09/05/2025	Hoạt động (5E): Bàn học của bé	
34		Các khu vực chơi của bé trong nhóm lớp	12/05 – 16/05/2025		
35		Đồ dùng, đồ chơi trong lớp	19/05 – 23/05/2025		
		Ôn tập kết thúc năm học	26/05/2025- 30/05/2025		

(Thời gian thực hiện 35 tuần từ ngày 09/09/2024 đến ngày 23/05/2024)